

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO
BÌ BIÊN HÒA
BIEN HOA PACKAGING
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 22 / SVI-2022
No.: 22 / SVI-2022

Đồng Nai, ngày 12 tháng 04 năm 2022
Dong Nai, day 12 month 04 year 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/*Stock code*: SVI

- Địa chỉ/*Address*: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.

- Điện thoại/*Tel.*: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: ducph@sovi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Báo cáo thường niên năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/04/2022 tại đường dẫn codong.sovi.com.vn/ *This information was published on the company's website on 12/04/2022, as in the link codong.sovi.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/*Attached documents*:

Báo cáo thường niên năm 2021.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/ Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC

Giám đốc tài chính/ CFO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, Phường
An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.



Website: www.sovi.com.vn



Số điện thoại: (0251) 3836 121 - (0251) 3836 122.

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành phát triển

Ngành nghề và địa bàn hoạt động kinh doanh

Cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch hoạt động năm 2022

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao, lương, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2021





THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các nhân tố rủi ro

SỨ MỆNH

- Cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng những sản phẩm bao bì giấy với chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt;
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất trong mọi hoạt động phù hợp với từng giai đoạn nhằm đưa SOVI trở thành một trong những doanh nghiệp cung cấp bao bì carton hàng đầu Việt Nam;
- Tạo môi trường và điều kiện làm việc cởi mở, thân thiện, mang lại hiệu quả cao nhằm phát huy toàn diện năng lực của mỗi CBCNV;
- Từ đó, đem lại lợi nhuận hợp lý cho Công ty và lợi tức thỏa đáng cho các cổ đông; nâng cao hơn nữa mức sống cho tất cả CBCNV đang làm việc tại Công ty; đồng thời chung tay cho sự phát triển của đất nước và xã hội.

TÂM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ và giải pháp bao bì giấy đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Tên Tiếng Anh	BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY
Mã chứng khoán	SVI
Sàn niêm yết	HOSE
Tên viết tắt	SOVI
Giấy CNĐKDN	3600648493 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/01/2022
Vốn điều lệ	128.324.370.000 đồng
Địa chỉ	Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(0251) 3836 121 - (0251) 3836 122
Số fax	(0251) 3832 939
Website	www.sovi.com.vn
Email	sovi@sovi.com.vn



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động chủ yếu của Công ty là các khu vực: Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương. Đây đều là những tỉnh, thành phố sở hữu nhiều KCN lớn, có tốc độ phát triển cao, điều kiện cơ sở hạ tầng thuận lợi cho ngành công nghiệp bao bì Việt Nam. Các khách hàng lớn của SOVI là các doanh nghiệp hàng tiêu dùng như Unilever, Nestle, Vinacafe, Pepsico,....

- Trụ sở chính: KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai;
- Nhà máy sản xuất bao bì In Offset: KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai;
- Nhà máy sản xuất bao bì Carton Biên Hoà: KCN Biên Hoà 1, Đường số 12, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai;
- Nhà máy sản xuất bao bì carton Bình Dương: KCN Mỹ Phước 3, Đường số NE5, thị xã Bến Cát, TP. Biên Hoà, Tỉnh Bình Dương.

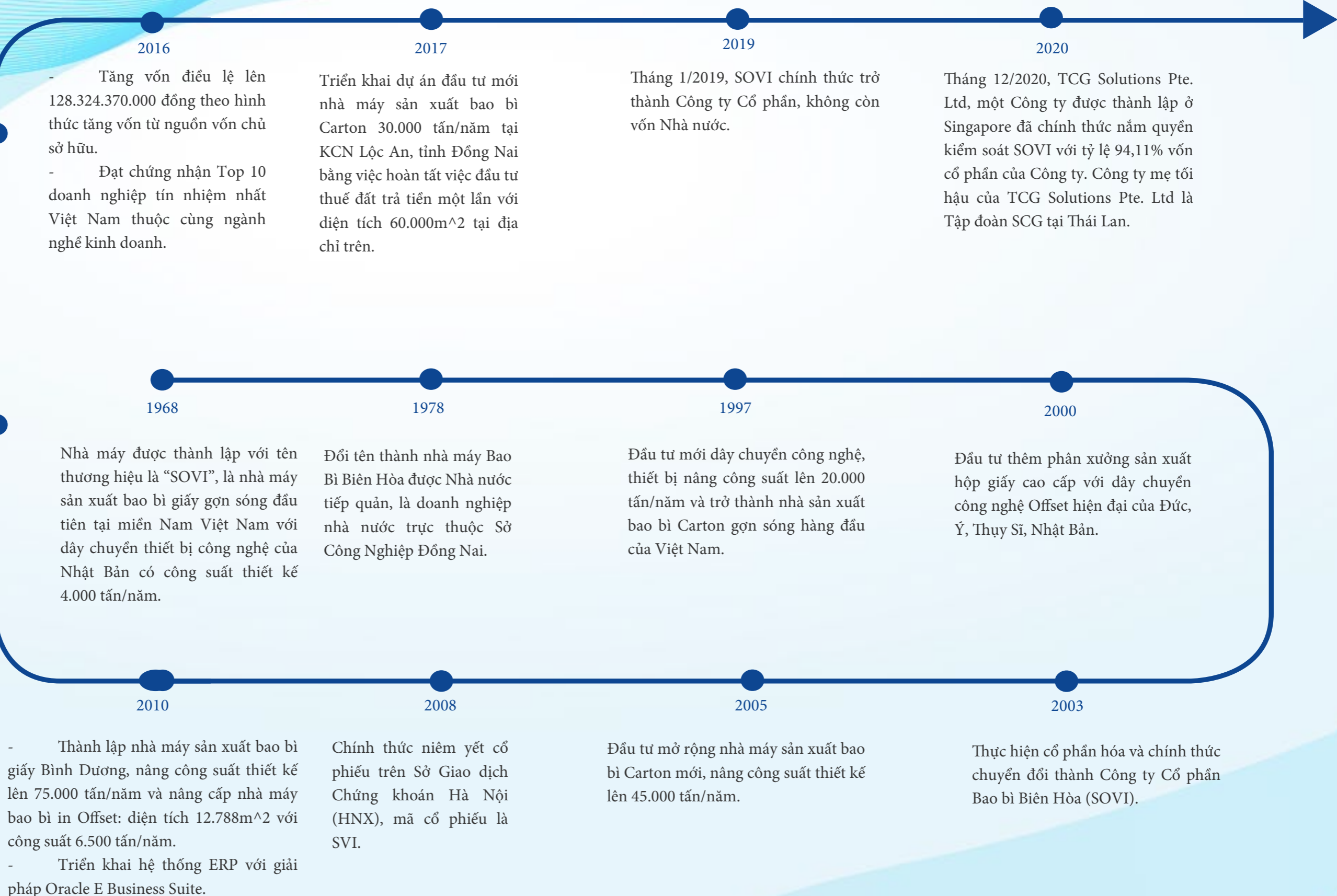
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bì (sản xuất giấy);
- Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn
- Sản phẩm tiêu biểu bao gồm: **Bao bì Carton & Bao bì Offset.**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2013
Nâng vốn điều lệ lên 106.978.420.000 đồng theo GCN ĐKKD số 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/08/2013.

2012
Chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), mã cổ phiếu là SVI.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC, SẢN XUẤT VÀ TÁC NGHIỆP

Về nguồn nhân lực và hệ thống quản lý

Trong quá trình phát triển của Công ty, yếu tố nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng vững chắc cho Công ty. Vì vậy Công ty chú trọng tuyển dụng nguồn nhân lực có khả năng, kinh nghiệm, nhiệt tình và sáng tạo, có tâm huyết với công việc, gắn bó với Công ty từ đó xem xét điểm mạnh, điểm yếu của nguồn nhân lực nhằm sắp xếp các vị trí phù hợp cho từng cá nhân bằng các hoạt động:

- Dựa trên tiêu chí đánh giá năng lực (ASK), tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) tiến hành soát xét cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm, nhiệm vụ công việc, mối quan hệ và tính hiệu quả của từng cá nhân.
- Để phát triển nguồn nhân lực sẵn có Công ty thực hiện các chính sách đãi ngộ, phúc lợi, khen thưởng hợp lý. Tạo môi trường làm việc năng động, tích cực, thân thiện. Đặt ra những mục tiêu cụ thể cho nhân viên.
- Bên cạnh đó, thực hiện các chính sách thu hút nhân tài, chuẩn bị nguồn nhân lực đầu vào như: Phối hợp tuyển dụng ở các trường đại học, trung tâm đào tạo để tìm kiếm các ứng viên có năng lực. Áp dụng các chương trình tài trợ học bổng, thực tập, tuyển dụng, hội nhập và phát triển cho các sinh viên khá, giỏi của trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp nghề.
- Việc tiến hành đào tạo hoặc gửi đi đào tạo, định kỳ tiến hành tập sự, đánh giá góp ý cải tiến nhằm sẵn sàng bổ sung vào các vị trí nhân sự không còn phù hợp. Ngoài ra, Công ty luôn có những kế hoạch bồi dưỡng, thực hiện công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho nguồn nhân lực và tạo môi trường làm việc năng động, gắn gũi, sáng tạo để có thể đạt được hiệu quả tốt trong công việc cũng như cơ hội phát triển cho nguồn nhân lực.
- Định kỳ Công ty soát xét hệ thống văn bản quản lý, cụ thể cải tiến các tác nghiệp đang áp dụng, nâng cấp và chuẩn hóa các quy trình nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi ngày càng cao của thị trường. Để mang lại hiệu quả, điều quan trọng là phải áp dụng, duy trì, đánh giá định kỳ để cải tiến liên tục.

Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, ngoài việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực, Công ty còn quan tâm việc cải tiến, đầu tư trang thiết bị hiện đại nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tạo thế mạnh cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành. Vì vậy, Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ R&D (nghiên cứu và phát triển) có kinh nghiệm, năng lực và thường xuyên kiểm tra, theo dõi máy móc thiết bị nhằm phát hiện những sự cố để kịp thời xử lý.

Đồng thời, Công ty thường xuyên tổ chức công tác đào tạo, hướng dẫn sử dụng an toàn các thiết bị máy móc mới cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn tiến hành phân tích, xác định điểm mạnh, điểm yếu của nguồn nhân lực, từ đó lên kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề. Bên cạnh đó, Công ty luôn cập nhật các chính sách đãi ngộ nhằm giữ nguồn nhân lực có tay nghề cao và đào tạo đội ngũ kế thừa cho những vị trí chủ chốt để đảm bảo ổn định nguồn nhân lực cho Công ty.



Về quản lý chất lượng

- Theo đó, quy trình sản xuất của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn riêng, đảm bảo chất lượng ở từng vị trí công việc trên dây chuyền sản xuất, các quy trình tác nghiệp và vận hành. Nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm và đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Cùng với đó, việc Công ty sử dụng nguyên liệu đa dạng trong và ngoài nước được các nhà cung cấp đánh giá cao.
- Qua các năm, Công ty luôn đảm bảo duy trì hệ thống quản lý chất lượng có hiệu quả trên cơ sở nâng cao chất lượng không ngừng và thường xuyên kiểm tra nhằm thực hiện các biện pháp khắc phục, phòng ngừa kịp thời.

Về quản lý tồn kho nguyên vật liệu, bán thành phẩm trong xưởng và điều độ sản xuất hiệu quả

- Do đặc thù ngành, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên liệu giấy rất dễ hư và bắt lửa. Vì vậy, Công ty chú trọng đào tạo các công tác phòng cháy chữa cháy, đầu tư trang bị các vật dụng chữa cháy và bình cứu hỏa. Để hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra Công ty đã lên kế hoạch nâng cao độ chính xác về dự báo bán hàng, quản lý nguyên vật liệu nhằm duy trì mức tồn kho phù hợp nhất cho từng loại cũng như số lượng tồn kho nhằm tránh hư hại nhiều về nguyên vật liệu.
- Mặt khác, Công ty chú trọng công tác dự báo bán hàng để quyết định chiến lược mua hàng, xây dựng hệ thống nhà cung ứng nhằm đảm bảo sự ổn định, an toàn nguồn nguyên vật liệu đầu vào và chi phí mua hàng tối ưu.
- Ngoài ra, các thiết bị của Công ty được vận hành ở tốc độ tối ưu, giảm thời gian và số lần hư máy đột xuất để đảm bảo năng suất lao động đạt cao nhất. Cùng với sự phối hợp tốt giữa công tác sản xuất và giao hàng nhằm đảm bảo dòng lưu thông của sản phẩm đạt nhanh nhất, thời gian chờ đợi trong quá trình sản xuất và lưu kho ở mức thấp nhất.

CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG

Nhằm phát huy điểm mạnh của SOVI và tận dụng cơ hội hiện có để mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty tiến hành thực hiện các giải pháp:

- Đầu tư thuê đất tại KCN Lộc An - Bình Sơn, Đồng Nai nhằm chuẩn bị đầu tư phát triển xây dựng cho các năm tới thêm một nhà máy sản xuất bao bì carton dự kiến có công suất 70.000 tấn/năm nhằm mở rộng thị phần, tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực Đông Nam Bộ.
- Đầu tư thêm nhiều máy móc, thiết bị có tính tự động hóa nhằm nâng công suất sản xuất, đồng bộ năng lực giữa các công đoạn sản xuất, giảm tổn thất lãng phí,... gia tăng năng lực cạnh tranh & đáp ứng nhu cầu của khách hàng, thị trường.
- Tiến hành nghiên cứu, phân tích nhu cầu của khách hàng để xây dựng chiến lược và giải pháp chăm sóc khách hàng một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành phân tích lợi thế cạnh tranh để xác định điểm mạnh và điểm yếu từ đó khắc phục các mặt hạn chế đang tồn tại.

CHIẾN LƯỢC DẪN ĐẦU VỀ DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Hiện nay, nhiều Công ty trong và ngoài nước xuất hiện cùng cung cấp một loại hình sản phẩm/ dịch vụ với giá thành vô cùng hấp dẫn. Để nâng cao lợi thế cạnh tranh, Công ty không ngừng cải tiến nhằm nâng cao dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng như đáp ứng hữu hiệu nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Khách hàng tiềm năng có thể trở thành khách hàng thực sự và trung thành hay không chính là phụ thuộc vào yếu tố này. Hiểu được tầm quan trọng đó Công ty đã đưa ra các chính sách và giải pháp như sau:

- Mục tiêu của Công ty là hỗ trợ các doanh nghiệp đưa hình ảnh thương hiệu của họ đến với người tiêu dùng thông qua các sản phẩm có thiết kế độc đáo, sáng tạo. Công ty không ngừng củng cố kỹ năng dịch vụ chăm sóc khách hàng của nhân viên, tư vấn miễn phí cho khách hàng và đảm bảo thiết kế sản phẩm nhanh chóng, hiệu quả.
- Công ty luôn cải tiến dịch vụ giao hàng tận nơi với đội ngũ nhân viên, giao hàng tận tình, có tinh thần trách nhiệm và luôn giao hàng đúng hẹn – đủ chất lượng và số lượng.
- Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên kiểm tra các khâu chăm sóc khách hàng, khi khách hàng khiếu nại phải giải quyết kịp thời, luôn tôn trọng và lắng nghe nhu cầu của khách hàng. Từ đó, tiến hành phân tích đánh giá chất lượng và sự hài lòng của khách hàng để đưa ra những giải pháp cải tiến chất lượng dịch vụ.
- Cải thiện tương tác với khách hàng.
- Đơn giản hóa quy trình phản hồi của khách hàng.



CHIẾN LƯỢC HẠ THẤP CHI PHÍ

Để gia tăng thị phần, chiến lược hạ thấp chi phí là một chiến lược cơ bản được Công ty tiến hành nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh, làm cơ sở cho việc tăng thêm nguồn lực để mở rộng đầu tư. Theo đó, Công ty áp dụng thực hiện và triển khai các giải pháp:

- Công ty thực hiện việc tự cung cấp sản phẩm trực tiếp đến khách hàng mà không qua bất cứ trung gian nào, do đó Công ty giảm được chi phí vận chuyển. Đồng thời Công ty trực tiếp cung cấp sản phẩm theo đơn hàng của khách hàng và đã loại bỏ được vấn đề nan giải là hàng tồn kho thành phẩm.
- Công ty thực hiện chuyên môn hóa để các nhân viên làm ở một vị trí cố định thì thực hiện công việc đó nhanh và ít sai sót hơn. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng cải tiến sản phẩm nhằm tiết kiệm chi phí nguyên liệu sản xuất.
- Ngoài ra, từng bước giảm, loại bỏ lãng phí bằng việc lập dự toán, phê duyệt, sử dụng và quyết toán chi phí. Kiểm soát hiệu quả ngân sách hoạt động từng bộ phận, phân xưởng thông qua việc tuân thủ các quy định, quy trình, tiêu chuẩn và định mức đã ban hành. Hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong việc quản lý và thực hiện ngân sách.
- Các dữ liệu có liên quan đến định mức nguyên vật liệu sử dụng, chi phí thuộc phạm vi quản lý của từng bộ phận đều phải được thu thập và phân tích hàng ngày để tìm ra cách giảm chi phí cũng như nguyên nhân làm chi phí tăng để đề ra các biện pháp khắc phục và cải tiến kịp thời.

Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Kết thúc năm 2021, GDP Việt Nam đạt mức tăng trưởng 2,6%, thấp hơn nhiều so với dự báo của các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới. Giãn cách xã hội kéo dài trong quý 3/2021 tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương đã khiến nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tổng sản phẩm trong nước giảm 6,2% so với cùng kỳ - mức giảm sâu nhất kể từ trước tới nay. Trong những tháng cuối năm, các địa phương đã đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine và dần chuyển sang trạng thái “bình thường mới”, đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, GDP quý 4/2021 đã có bước phục hồi ấn tượng, tăng 5,2% so với cùng kỳ.

Tuy vậy, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong việc tái khởi động nền kinh tế sau một thời gian dài “đóng cửa”. Tuy nhiên, với những diễn biến tích cực trong những tháng cuối năm cho thấy nền kinh tế sẽ hồi phục và đà tăng trưởng sẽ được tiếp tục đẩy mạnh trong năm tới.

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh là sản xuất bao bì giấy cho các doanh nghiệp lớn từ cả trong và ngoài nước thì việc thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và sự kiểm soát dịch bệnh tốt sẽ là động lực cho ngành hàng tiêu dùng phát triển đồng thời làm tăng nhu cầu sử dụng bao bì của người tiêu dùng. Tuy nhiên, với tình trạng dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp cùng biến thể mới sẽ khiến nền kinh tế trở nên bất ổn, chi phí tăng cao, tình trạng thiếu hụt lao động có thể diễn ra do sự bất an của người lao động thì Công ty cần thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường, tình hình dịch bệnh để kịp thời lên những kế hoạch dựa trên tình hình thực tế để giảm thiểu rủi ro xảy đến với Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Ngoài nguồn nguyên vật liệu có sẵn trong nước, SOVI cũng phải nhập một số lượng đáng kể nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như trang thiết bị, phụ tùng từ các đối tác nước ngoài. Do vậy, khi tỷ giá có biến động thì Công ty cũng sẽ chịu những ảnh hưởng đáng kể.

Trong năm tỷ giá tương đối ổn định, thậm chí có thời điểm đồng VND tăng khoảng 1.2% so với USD dù chỉ số đồng USD (DXY) tăng 6.7%. Những thay đổi tích cực này một phần là do niềm tin vào khả năng phục hồi kinh tế của Việt Nam và cung - cầu ngoại tệ nhìn chung khá cân bằng khi cán cân thương mại thặng dư 4 tỷ USD, kiều hối đạt 18.2 tỷ USD và giải ngân FDI đạt 19.7 tỷ USD. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã chủ động trao đổi với Bộ tài chính Mỹ để được tháo mào “Thao túng tiền tệ” từ tháng 4/2021.

Do đặc thù ngành yêu cầu một số lượng nguyên liệu và trang thiết bị máy móc đặc trưng được nhập từ nước ngoài. Vì vậy nếu đồng tiền các quốc gia này có xu hướng tăng giá thì sẽ có tác động đáng kể đến Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại này, Công ty luôn cố gắng chủ động chuyển đổi một số nguyên liệu chính được nhập từ nước ngoài. Đồng thời thường xuyên theo dõi các yếu tố có thể ảnh hưởng đến tỷ giá, lập nhu cầu ngoại tệ, trích lập dự phòng, theo dõi biến động để có những biện pháp điều chỉnh hợp lý.

Rủi ro lãi suất

Hoạt động kinh doanh của Công ty có yêu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án dài hạn hoặc dùng để mua các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất, máy móc, ... Phần lớn nguồn vốn này sẽ được huy động từ Ngân hàng nên nếu lãi suất có xu hướng tăng cao thì sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây ra khó khăn cho hoạt động sản xuất của Công ty. Đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh hiện nay thì việc tìm ra giải pháp và triển khai thực hiện các kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp để giúp phục hồi nền kinh tế là cần thiết.

Theo đó, trong năm Ngân hàng Nhà nước cũng đã có một số yêu cầu với Ngân hàng Thương mại để thúc đẩy việc hạ lãi suất cho vay. Kể từ lần điều chỉnh lãi suất điều hành lần gần nhất vào tháng 10/2020, công cụ lãi suất điều hành vẫn chưa có tác động giảm lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, trong năm 2021, Ngân hàng Nhà nước đã có những biện pháp cứng rắn hơn đi kèm với việc kêu gọi các tổ chức tín dụng hỗ trợ khách hàng như yêu cầu các ngân hàng thương mại cổ phần lớn ký cam kết giảm lãi suất, báo cáo định kỳ việc thực hiện cắt giảm lãi suất, đây được xem là một yếu tố để cấp hạn mức tín dụng. Kết quả là trong năm 2021, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm 1% - 2% so với đầu năm.

Để hạn chế những biến động của lãi suất, Công ty lập kế hoạch vay và chi trả cho từng khoản vay, đồng thời tìm và tận dụng các khoản vay dài với lãi suất ưu đãi. Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện đồng bộ một số giải pháp như: Quản lý và kiểm soát dòng tiền hiệu quả hơn, duy trì mức tồn kho hợp lý, đàm phán với một số khách hàng có doanh số thấp để rút ngắn thời hạn thu tiền.

Ngoài ra Công ty cũng cần thường xuyên theo dõi các khoản nợ phải trả dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì tính thanh khoản ổn định trong ngắn hạn và dài hạn. Những điều này sẽ góp phần hạn chế những bất ổn và tác động từ lãi suất đến hoạt động của Công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro ngành bao bì

Do đặc thù về sản phẩm kinh doanh nên ngành sản xuất bao bì phụ thuộc rất lớn vào các ngành hàng tiêu dùng, và thị trường tiêu thụ sản phẩm chính của Công ty là thị trường trong nước. Nếu thị trường trong nước có sự biến động thì sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Rủi ro cạnh tranh

Sản xuất bao bì Carton có rào cản gia nhập ngành thấp. Các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh có thể đầu tư sản xuất quy mô lớn. Khách hàng có khả năng chuyển đổi dễ dàng giữa các nhà cung cấp. Theo đó, 03 yếu tố quyết định việc lựa chọn nhà cung cấp bao bì thường là: (01) Chất lượng sản phẩm, có khả năng thực hiện nhiều mẫu mã mới; (2) giá cả cạnh tranh và (03) dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng. Theo số liệu của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (VPPA), hiện nay cả nước có hơn 300 doanh nghiệp tham gia sản xuất bao bì giấy, phần lớn là sản xuất bao bì Carton. Riêng ở Bình Dương và Đồng Nai có nhiều doanh nghiệp FDI được đầu tư quy mô lớn, quản lý chuyên nghiệp.

Nhận thức được vấn đề này, Công ty đã xây dựng các chiến lược kinh doanh dài hạn một cách cụ thể để định hướng cho hoạt động của công ty. Ngoài ra, Công ty không ngừng đổi mới máy móc thiết bị, mở rộng dây chuyền sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, làm hài lòng khách hàng góp phần củng cố và nâng cao vị thế của công ty trên thị trường. Lên kế hoạch nghiên cứu thị trường, tìm kiếm thị trường tiềm năng cả trong và ngoài nước, duy trì và đảm bảo nguồn cung ứng, chất lượng, giá thành hợp lý.

Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, luật bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư khác có liên quan. Tuy nhiên, Hệ thống luật và các văn bản dưới Luật hiện nay của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất cứ sự thay đổi nào về các quy định liên quan và quy định đặc thù của ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Công ty với đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất giấy, chịu những quy chuẩn khắt khe về hàm lượng chất thải và hệ thống kho bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu. Đây là một ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách của Nhà nước. Để giảm thiểu rủi ro pháp luật, Công ty thuê các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước để hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp.

Rủi ro nguyên vật liệu

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra sự gián đoạn lớn trong lĩnh vực bao bì do các biện pháp phong tỏa, hạn chế đi lại, thiếu lực lượng lao động và nguyên liệu sản xuất chủ yếu từ nhập khẩu. Ngành bao bì giấy bị ảnh hưởng nặng nề dưới tác động kép, vừa thiếu nguyên liệu sản xuất vừa gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ sản phẩm khi những ngành nghề sản xuất kinh doanh khác bị đình trệ, giảm lượng hàng tiêu thụ do đó nhu cầu thị trường giảm.

Với đặc điểm kinh doanh của ngành sản xuất bao bì carton gọn sóng, chi phí nguyên vật liệu chiếm trên 80% tổng chi phí sản xuất. bắt đầu từ tháng 1/2021 giá giấy lớp mặt và giấy lớp sóng tại Đông Nam Á biến động tăng liên tục cho đến tháng 3/2021 thiết lập mức đỉnh, giấy lớp mặt ở mức 535 USD/tấn và tăng 35 USD/tấn (0,8 triệu đồng/tấn), giấy lớp sóng ở mức 525 USD/tấn và tăng 25 USD/tấn (0,92 triệu đồng/tấn) so với tháng 1/2021; từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2021 giá giấy lớp mặt và lớp sóng lại liên tục giảm, sau đó lại tăng liên tục trở lại đến tháng 12/2021 giấy lớp mặt ở mức 545 USD/tấn và lớp sóng 510 USD/tấn. Đối với giấy duplex giá biến động tăng liên tục từ tháng 1/2021 đến tháng 4/2021 ở mức 615 USD/tấn và tăng 25 USD/tấn (0,575 triệu đồng/tấn), tuy nhiên sau đó giá lại giảm liên tục đến tháng 9/2021 nhưng đến tháng 12/2021 giá biến động tăng mạnh và thiết lập mức đỉnh trong năm 705 USD/tấn. Nguyên nhân giá giấy bao bì công nghiệp tăng chủ yếu là do áp lực tăng giá của nguyên liệu giấy thu hồi (chủ yếu là OCC), cước phí vận tải biển và nguyên liệu, hoá chất, vật tư.



Trước tình hình này, Công ty đã chủ động lập kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu để hạn chế tối đa thiệt hại, linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hóa; kết hợp tìm kiếm nhiều đối tác cung cấp nguyên liệu giá rẻ. Đồng thời, ký kết hợp đồng dài hạn với những đơn hàng lớn để hưởng giá thấp, thiết lập mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong và ngoài nước để đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà cung cấp khác để có được nguồn nguyên liệu với giá phù hợp.

Rủi ro môi trường

Ngành sản xuất bao bì giấy được đánh giá là ngành công nghiệp phát triển nhanh, có nhu cầu cao tại Việt Nam. Tuy nhiên, nếu không có những biện pháp kiểm tra, quản lý đối với việc xử lý chất thải thì sẽ để lại những hệ quả lớn cho môi trường địa phương.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, Công ty chủ động thực hiện những biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường với định hướng áp dụng công nghệ tiên tiến, xanh, hiện đại, thân thiện, bảo vệ môi trường, gắn liền với sứ mệnh của Công ty và góp phần thúc đẩy những ngành công nghiệp khác cùng phát triển.

Để hạn chế tác động của môi trường làm việc lên sức khỏe của người lao động, cán bộ nhân viên, Công ty luôn thực hiện các biện pháp nhằm phòng ngừa và đảm bảo an toàn trong vận hành như: Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp với công suất 300 m³/ngày đêm, đầu tư cải tạo hệ thống xử lý khí thải, đầu tư thiết bị xử lý bụi, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức về phòng cháy chữa cháy, tổ chức các buổi đào tạo để nắm rõ các thành phần nguyên liệu sản xuất giúp cải thiện trong quá trình sản xuất.



Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh ... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù hiếm xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây ra thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty. Ngoài ra SOVI là công ty chuyên sản xuất, kinh doanh bao bì giấy, thường xuyên hoạt động và chứa hàng ngàn thành phẩm bia, nguyên liệu giấy. Đây đều là những chất dễ bắt lửa và khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra có thể gây thiệt hại lớn. Vì thế, Công ty rất chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy, trang bị bình cứu hỏa, các vật dụng chữa cháy, tổ chức các buổi tập huấn cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn mua bảo hiểm cho người lao động, nhà xưởng để giảm thiểu tối đa tổn thất do cháy nổ gây ra.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



BỐI CẢNH KINH TẾ

Nền kinh tế thế giới trong năm 2021 đã phục hồi nhanh hơn kỳ vọng và lấy lại đà tăng trưởng, bất chấp diễn biến phức tạp của dịch Covid - 19 cùng cuộc khủng hoảng năng lượng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ là không đồng đều. Lạm phát trở thành một vấn đề lớn khiến nhiều nước phải rút lại các chính sách tiền tệ lỏng lẻo của thời đại dịch.

Mây đen nổi lên tại Trung Quốc, khi ngành bất động sản nước này lâm vào một cuộc khủng hoảng thanh khoản. Trong bối cảnh như vậy, Trung Quốc buộc phải chuyển sang nói lỏng chính sách tiền tệ, trong khi các nước phương Tây đang bắt đầu chuyển hướng thắt chặt.

Chuỗi cung ứng toàn cầu rơi vào tình trạng “quá tải” khi nền kinh tế thế giới phục hồi mạnh mẽ. Nhu cầu hàng hóa tăng vọt trong khi hoạt động sản xuất và vận tải phục hồi với tốc độ không tương ứng khiến toàn bộ chuỗi cung ứng bị tắc nghẽn ở nhiều điểm. Một số cảng biển lớn ở Trung Quốc tắc cứng vì biện pháp kiểm soát Covid quá khắt khe.

Tại Việt Nam, sau quý “quay đầu” giảm sâu ở mức âm 6,17% do phải ứng phó với Covid -19 biến chủng mới Delta, tăng trưởng GDP quý 4/2021 bật tăng trở lại ở mức trên 7%. Do đó, tăng trưởng GDP cả năm 2021 cán mốc 2,58%.

Sau 2 năm bùng phát, dịch Covid-19 đã gây ra tổn thất về kinh tế lớn chưa từng có (dự tính khoảng 37 tỷ USD), khiến tăng trưởng kinh tế Việt Nam đang ở mức bình quân 7% năm (2018-2019) giảm xuống 2,91% (2020) và 2,58% (2021). Mặc dù đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, song nhiều điểm sáng đã trở lại.



BỐI CẢNH NGÀNH BAO BÌ GIẤY

Theo báo cáo của Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (VPPA), năm 2021 là một năm khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành giấy nói riêng. Thị trường biến động, những chính sách của Chính phủ trong bối cảnh đại dịch có nhiều thay đổi đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp ngành giấy. Tuy vậy, tổng số lượng tiêu dùng giấy các loại năm 2021 ước đạt 5.702 triệu tấn, tăng 4.2% so với 5.4 triệu tấn năm 2020, trong đó giấy bao bì đạt 4.65 triệu tấn, tăng 6.2%. Tổng sản lượng giấy các loại ước đạt 5.35 triệu tấn, tăng 4.6% so với 5 triệu tấn của năm 2020, trong đó riêng giấy bao bì tăng 6%, đạt 4.57 triệu tấn.

Theo Vietnam Report, SOVI nằm trong Top 3 Công ty Bao bì uy tín năm 2021. Trong quá trình hình thành và phát triển, SOVI đã trở thành một trong những nhà cung cấp bao bì giấy đáng tin cậy hàng đầu tại Việt Nam và luôn mở rộng đầu tư đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Với sự nỗ lực của toàn bộ cán bộ công nhân viên, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	TH 2021	TH 2021/KH 2021	TH 2021/TH 2020
Bao bì giấy (Carton, Offset)	Kg	86.440,00	90.755	82.090	90,45%	94,97%
Doanh thu	Tỷ đồng	1.687,38	1.810	1.837,18	101,50%	108,88%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	183,15	140	115,33	82,38%	62,97%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

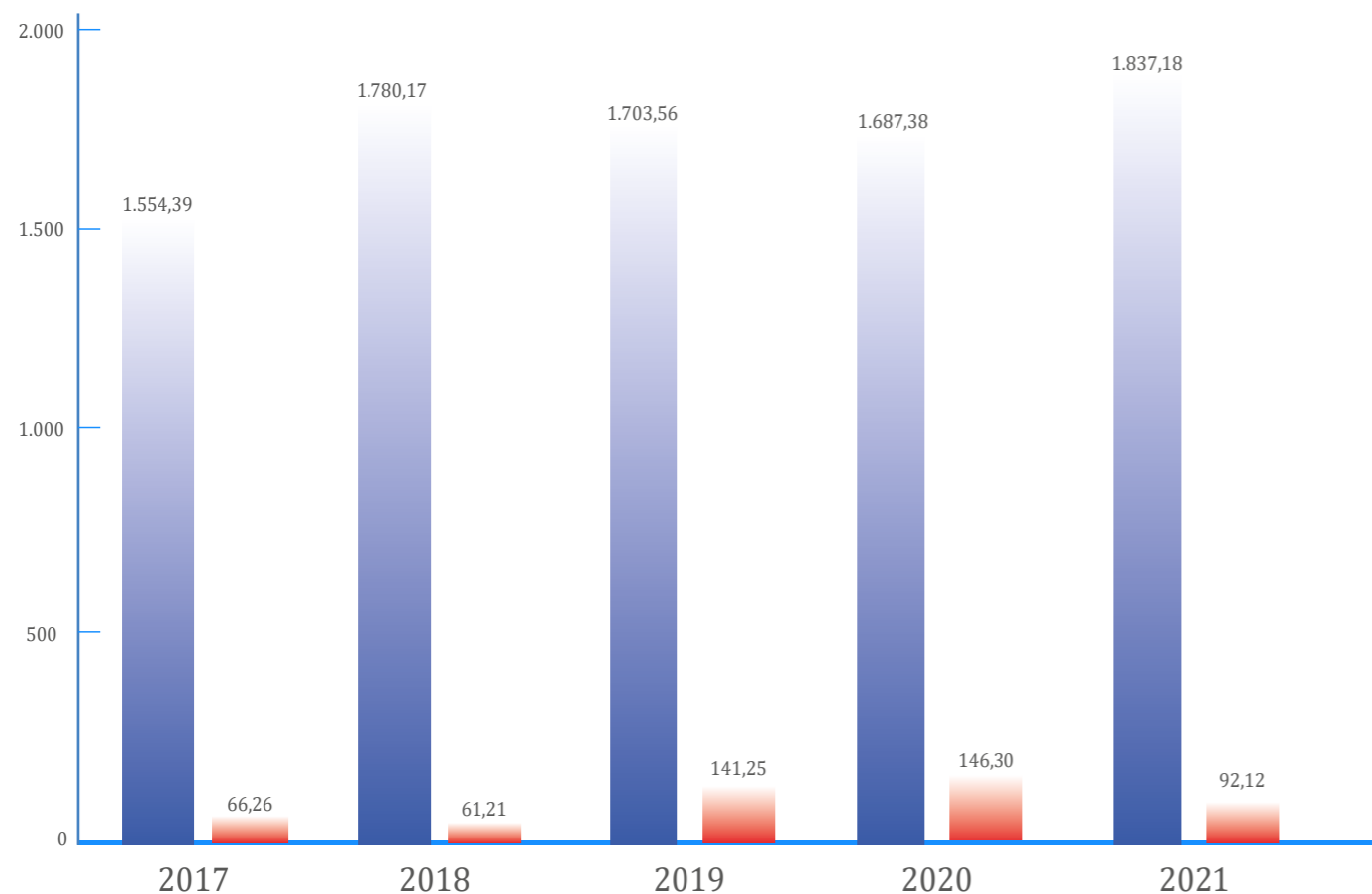
Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Doanh thu thuần	1.554,39	1.780,17	1.703,56	1.687,38	1.837,18
Lợi nhuận gộp	183,72	185,49	299,04	292,48	232,51
Lợi nhuận thuần HĐKD	80,73	75,02	186,73	183,06	114,91
Lợi nhuận trước thuế	83,01	77,43	180,21	183,15	115,33
Lợi nhuận sau thuế	66,26	61,21	141,25	146,30	92,12

Doanh thu thuần năm 2021 đạt 1.837,18 tỷ đồng, tăng 8,88% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tăng cao ở các tháng đầu năm và các tháng cuối năm sau khi chính phủ đưa ra các biện pháp nới lỏng giãn cách.

Tuy nhiên, sự tăng trưởng về doanh thu không đi kèm với tăng trưởng lợi nhuận. Cụ thể trong lợi nhuận gộp năm 2021 đạt 232 tỷ đồng, giảm 20,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Điều này là do tình hình dịch bệnh trong năm 2021 khiến chuỗi cung ứng bị đứt gãy khiến chi phí nguyên vật liệu tăng cao. Theo đó, giá vốn hàng bán trong năm 2021 tăng 210 tỷ đồng (tăng 13,08% so với cùng kỳ). Việc doanh thu tăng nhưng chi phí quản lý và chi phí bán hàng cũng đồng thời tăng theo khiến lợi nhuận năm 2021 suy giảm đáng kể. Như vậy, 2021 là năm Công ty có mức lợi nhuận thấp nhất trong 3 năm gần đây.



DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

■ Doanh thu thuần ■ Lợi nhuận sau thuế

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
Tổng tài sản	1.160,04	1.089,05	904,50	922,93	936,96
Vốn chủ sở hữu	633,86	567,08	464,01	339,71	353,59
Nợ ngắn hạn	512,96	489,64	373,62	541,50	533,97
Nợ dài hạn	13,22	32,32	66,87	41,71	49,40

Tổng tài sản của Công ty năm 2021 đạt 1160 tỷ đồng, tăng 71 tỷ đồng so với năm 2020 (Tương ứng với mức tăng 6.11%). Nợ ngắn hạn và dài hạn của Công ty lần lượt tăng 4.6% và giảm 146.1% so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, mức tăng của nợ ngắn hạn chủ yếu là do Công ty có một khoản phải trả ngắn hạn cho Công ty TNHH Giấy Vina Kraft trị giá 148 tỷ đồng, tăng 83 tỷ đồng so với năm 2020 (65 tỷ đồng). Bên cạnh đó, trong năm Công ty cũng đã thanh toán các khoản nợ dài hạn khiến cho khoản mục này giảm xuống còn 13.22 tỷ đồng.

Năm 2021, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 634 tỷ đồng tăng 67 tỷ đồng, tương ứng với 10.56% so với cùng kỳ năm ngoái (567.08 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng 75 tỷ đồng.



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	0	0%
2	Ông Đặng Ngọc Diệp	Giám đốc điều hành	0	0%
3	Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc điều hành	0	0%
4	Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc Khối tài chính kiêm Kế toán trưởng	0	0%

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ông Ekarach Sinnarong

Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kỹ sư (chuyên ngành Kỹ sư Công nghiệp), Thạc sĩ Kỹ sư (chuyên ngành Kỹ sư hệ thống sản xuất).
Số cổ phần sở hữu	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ 2016 – 2017: Quản lý Bộ phận sản xuất, Công ty Thai Containers Rayong Co., Ltd. Từ 2018 – 2019: Quản lý Phòng sản xuất, Công ty Thai Containers Group Co., Ltd (Chonburi). Từ 2019 – 2020: Giám đốc Bộ phận sản xuất, Công ty Công nghiệp Tân Á. Từ 2020 – Hiện tại: Tổng Giám đốc cụm Công ty Công nghiệp Tân Á, Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam), Công ty TNHH Bao bì AP Hà Nội (Việt Nam), và Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Packamex (Việt Nam). Tổng Giám đốc Công ty CP Bao Bì Biên Hòa.

Ông Đặng Ngọc Diệp

Chức vụ hiện tại	Giám đốc điều hành
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Số cổ phần sở hữu	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ 1992 – 1996: Nhân viên phòng Cơ điện Công ty may CN Đồng Nai. Từ 1996 – 2002: Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa Từ 2002 – 2005: Trưởng BP Quản trị chất lượng CTCP bao bì Biên Hòa. Từ 2005 – 2006: Quản đốc Xưởng Offset, CTCP bao bì Biên Hòa. Từ 2006 – 04/2008: Trưởng BP Kế hoạch sản xuất CTCP bao bì Biên Hòa. Từ 04/2008 – 2016: Trưởng BP Kinh doanh của SOVI, TV HĐQT. Từ 2016 – 01/04/2019: Phó Giám đốc kinh doanh, TV HĐQT Từ 01/04/2019 - 09/12/2020: Tổng Giám đốc, TV. HĐQT Từ 17/03/2021 – Hiện tại: Giám đốc điều hành.

Ông Trần Trang Bình

Chức vụ hiện tại	Phó Giám đốc điều hành
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện, Cử nhân Kinh tế
Số cổ phần sở hữu	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ 06/1995 - 09/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Cổ phần gỗ Tân Mai. Từ 09/1996 - 05/2002: Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy Bao bì Biên Hòa. Từ 06/2002 – Nay: Phó giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa. Từ 09/2003 – 2015: Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa Từ 2016 – 14/01/2019: Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa Từ 15/01/2019 – 09/12/2020: Lãnh đạo khối SX & khối hỗ trợ kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Từ 09/12/2020 – Hiện tại: Phó Giám đốc điều hành - Lãnh đạo khối SX & khối hỗ trợ

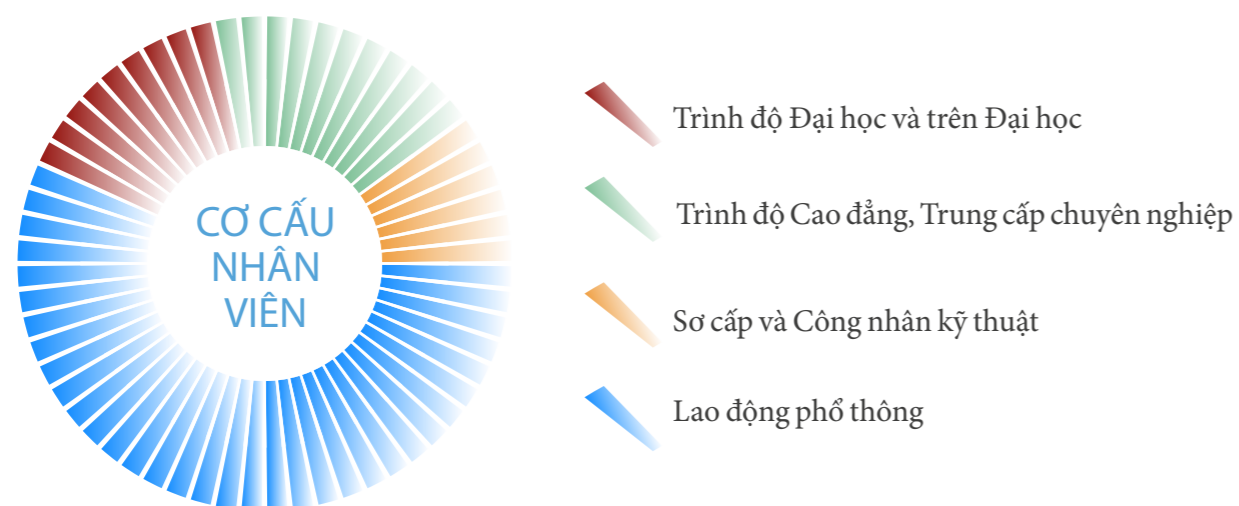
Ông Phạm Hồng Đức

Chức vụ hiện tại	Giám đốc khối Tài chính kiêm Kế toán trưởng
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính và Thương mại Quốc tế
Số cổ phần sở hữu	Không
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> Từ 02/04/2019 – Hiện tại: Giám đốc Khối tài chính tại Công ty CP Bao bì Biên Hòa. Từ 25/09/2019 – Hiện tại: Kế toán trưởng Công ty CP Bao bì Biên Hòa

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

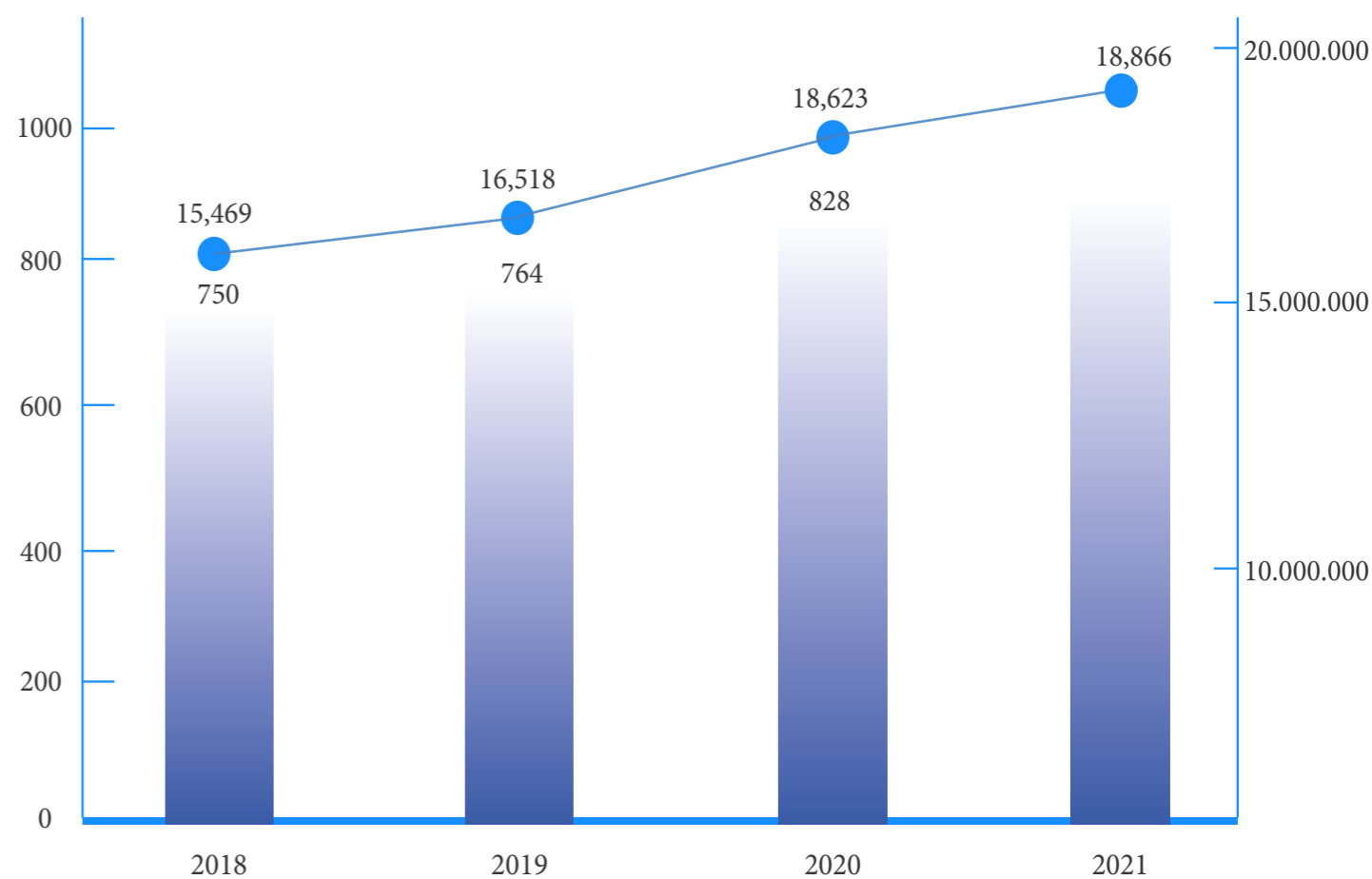
Tính đến 31/12/2021, tổng số lao động của Công ty là 729 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	105	14,40%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	130	17,83%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	79	10,84%
4	Lao động phổ thông	415	56,93%
II Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	480	65,84%
2	Lao động gián tiếp	249	34,16%
III Theo giới tính			
1	Nam	642	88,07%
2	Nữ	87	11,93%
Tổng cộng		729	100%



THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	750	764	828	729
Thu nhập bình quân (Triệu đồng/Người/Tháng)	15,469	16,518	18,623	18,866



THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI QUA CÁC NĂM

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố quan trọng góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của Công ty. Vì vậy, SOVI rất chú trọng việc tổ chức các hoạt động đào tạo và phát triển cho đội ngũ CB – CNV.

- Về công tác đào tạo nguồn nhân lực: Hoạt động đào tạo không chỉ tập trung vào chuyên môn mà còn chú trọng đến kỹ năng làm việc nhằm giúp nhân viên ngày càng hoàn thiện, tăng hiệu suất công việc và phát triển bản thân trên lộ trình nghề nghiệp mong muốn. Bên cạnh đó, Công ty cam kết đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật.
- Ngoài ra, Công ty có tổ chức đào tạo nghiệp vụ nhằm hướng dẫn sử dụng, vận hành máy móc an toàn hiệu quả, bổ sung kỹ năng quản lý cho nhân viên. Trong năm, Công ty thường xuyên cập nhật quy định, cơ cấu tổ chức, kiến thức về sản phẩm, tiêu chuẩn quản lý chất lượng cho CB - CNV.
- Hàng năm, Công ty tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ cho các CB - CNV sau khi ký kết hợp đồng lao động theo kế hoạch đào tạo hoặc đào tạo theo yêu cầu của đơn vị. Các chính sách hỗ trợ học phí đối với những CB - CNV có sự tìm tòi, học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn cũng được Công ty chú trọng.

CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

Công ty thực hiện chính sách lương dựa trên nghị định 90/2019/NĐ – CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ về mức lương tối thiểu. Bên cạnh đó, Công ty vẫn đảm bảo chính sách lương, thưởng hợp lý thông qua đánh giá hiệu quả công việc của từng CB - CNV.

CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG

Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà nước về chế độ làm việc, đảm bảo những quyền lợi cho người lao động và ngày càng có nhiều chính sách tốt hơn, đem lại sự an tâm cho người lao động.



CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

SOVI chăm lo đến đời sống CB-CNV thông qua nhiều chính sách phúc lợi ngày càng toàn diện và hoàn thiện hơn như: du lịch nghỉ mát hằng năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn bộ CB-CNV và 2 lần/năm đối với những nhân viên làm việc trong môi trường độc hại nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động trong môi trường sản xuất và giúp người lao động yên tâm làm việc.

Công ty đã hỗ trợ các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và đảm bảo cho toàn thể cán bộ công nhân viên được hưởng đầy đủ theo chế độ. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và bồi dưỡng độc hại cho người lao động. Tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo.

CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG

Để khích lệ, động viên và thưởng xứng đáng cho những nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty, SOVI đã đưa ra nhiều chính sách khen thưởng phong phú:

- Lương tháng 13.
- Thưởng vào các ngày lễ lớn như Tết nguyên đán, lễ 30/04 - 01/05, lễ Quốc Khánh 2/9...
- Thưởng hiệu quả công việc theo thành tích mỗi cá nhân và đơn vị.
- Thưởng tập thể cá nhân giỏi, lao động tiêu biểu.
- Thưởng khuyến khích cho những thành viên có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2021, gồm việc cải tiến, nâng cao công suất các hệ thống thiết bị máy móc hiện tại ở các nhà máy của SOVI và công tác chuẩn bị cho dự án đầu tư Nhà máy bao bì tại KCN Lộc An, Bình Sơn, Long Thành, tỉnh Đồng Nai trong thời gian tới.

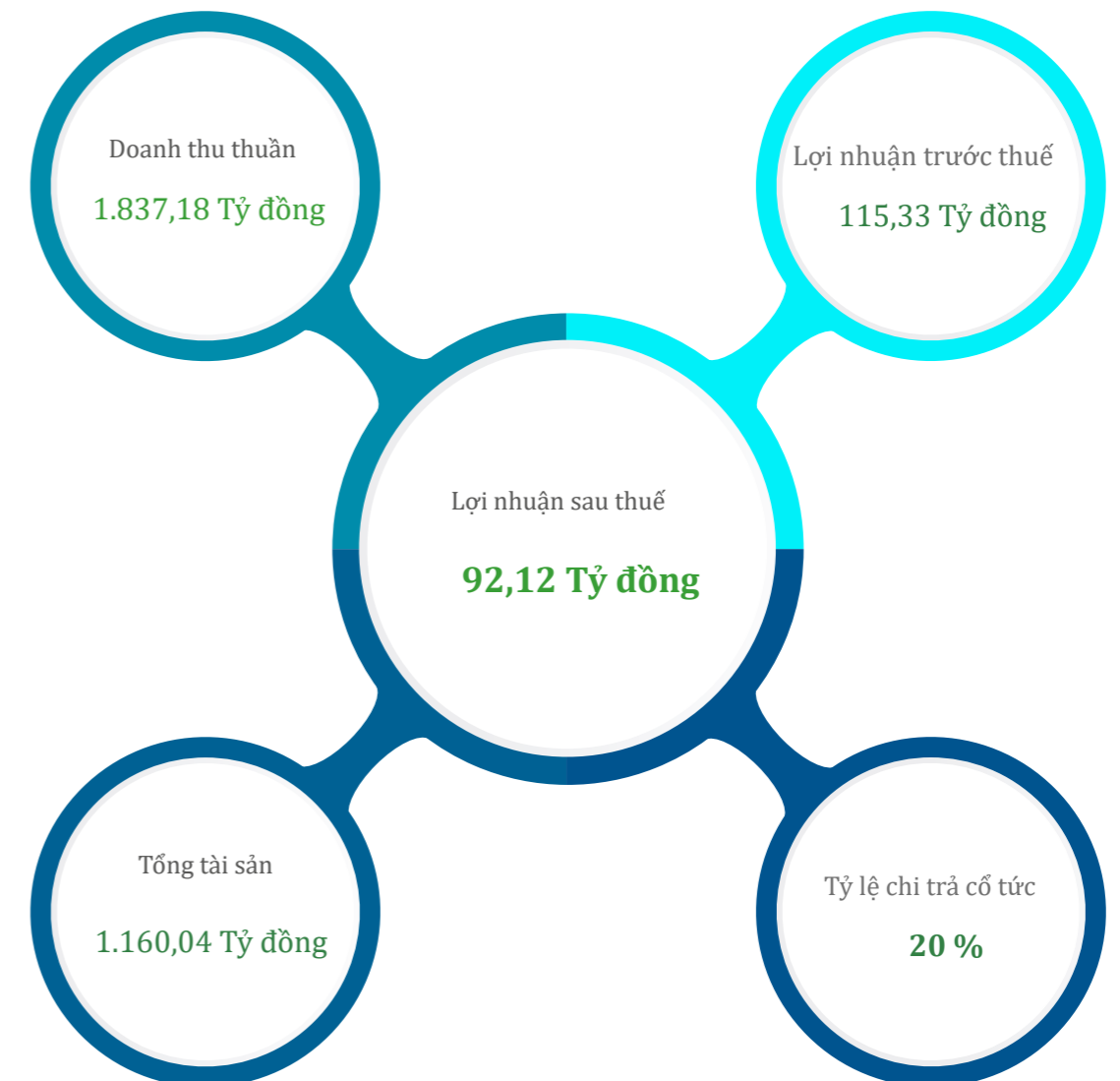


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2020	2021	Tăng/Giảm 2020
1	Tổng tài sản	1.089,05	1.160,04	106,52 %
2	Doanh thu thuần	1.687,38	1.837,18	108,88%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	183,06	114,92	62,78%
4	Lợi nhuận khác	0,09	0,415	461,11%
5	Lợi nhuận trước thuế	183,15	115,33	62,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	146,30	92,12	62,97%
7	Cổ tức	20%	20%	



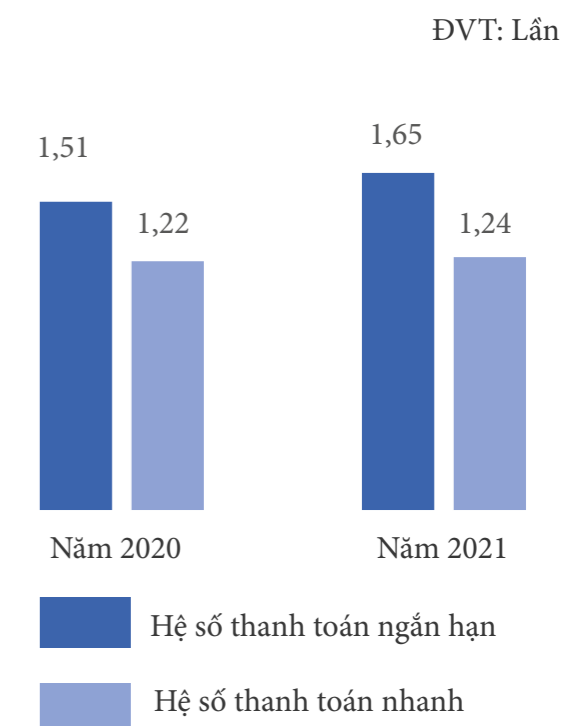
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2020	2021
I. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,51	1,65
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,22	1,24
II. CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	47,93	45,36
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	92,04	83,01
III. CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	10,15	9,01
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Lần	1,69	1,63
III. CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI				
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	8,67	5,01
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân) (ROE)	%	28,38	15,34
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (Bình quân) (ROA)	%	14,68	8,19
4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,85	6,26

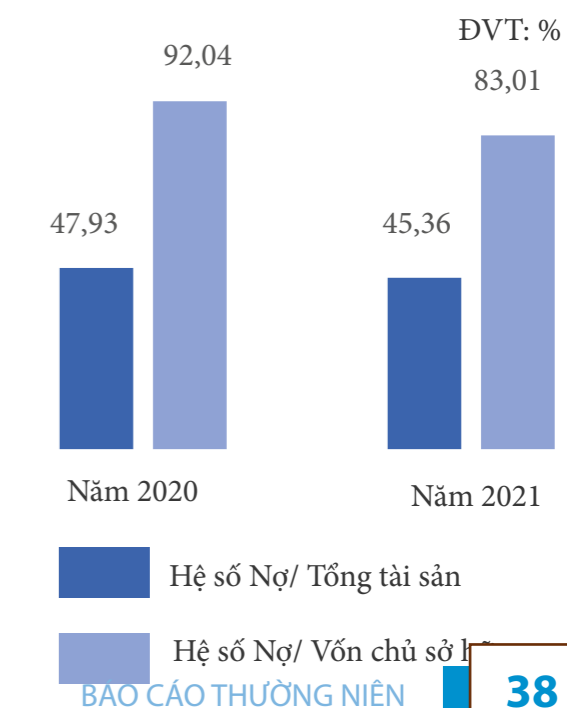
Về khả năng thanh toán

Năm 2021, nhìn chung thì các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều có mức tăng trưởng khả quan. Cụ thể, Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,65 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 1,24 lần, lần lượt tăng 9,27% và 1,64% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù trong năm 2021, Công ty đã giảm 33,13% các khoản vay tài chính ngắn hạn, tuy nhiên do khoản mục phải trả người bán ngắn hạn tăng 28.7% so với năm ngoái khiến nợ ngắn hạn của Công ty tăng 4,54%. Dầu vậy, tài sản ngắn hạn trong năm tăng đến 12,95%, chủ yếu là do mức tăng lần lượt 49,43% và 24,15% của khoản mục tiền và hàng tồn kho. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán trong năm đều >1 cho thấy Công ty có khả năng tài chính lành mạnh.



Về cơ cấu vốn

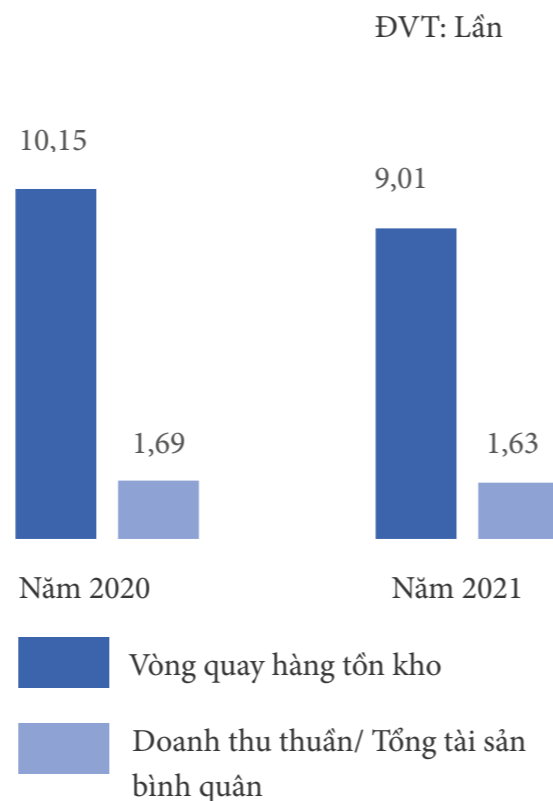
Hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu đều ghi nhận giảm so với năm 2020, lần lượt đạt 45,36% và 83,01%. Nguyên nhân cho mức giảm này là do tổng nợ của SVI trong năm không có quá nhiều thay đổi khi chỉ ghi nhận mức tăng 0.76% so với năm ngoái do Công ty đã thanh toán một số khoản nợ vay tài chính. Trong khi đó, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lại ghi nhận mức tăng khả quan khi lần lượt tăng 6,52% và 11,78%. Nhìn chung, đây là một năm SOVI có hoạt động kinh doanh tốt nên cơ cấu vốn cũng được cải thiện đáng kể, mặc cho tình hình dịch bệnh trong năm diễn biến khá phức tạp.



Về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho trong năm ghi nhận mức giảm 9,01 vòng từ mức 10,15 vòng trong năm 2020, tương đương số ngày tồn kho năm 2021 là 40 ngày. Đây là một con số khả quan dù tình hình dịch bệnh trong quý III/2021 diễn biến phức tạp trong nước và chiến dịch “Zero Covid” tại Trung Quốc làm đứt gãy chuỗi cung ứng khiến hàng tồn kho tăng 51,7 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 21,15% so với năm ngoái. Bên cạnh đó, dịch bệnh cũng khiến chi phí tăng cao làm giá vốn hàng bán của Công ty tăng 13,09% so với cùng kỳ.

Hệ số doanh thu thuần/tổng tài sản cho biết hiệu quả hoạt động của một đồng tài sản sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu. Dù trong năm hệ số này ghi nhận mức giảm 0,06 lần còn 1,63 lần, tuy nhiên mức giảm này không quá lớn cho thấy hiệu suất hoạt động của Công ty vẫn tương đối ổn định. Nhưng với tình hình cạnh tranh ngày càng cao và máy móc thiết bị của Công ty cũng đang hoạt động gần hết công suất. Nên SOVI cần phải nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

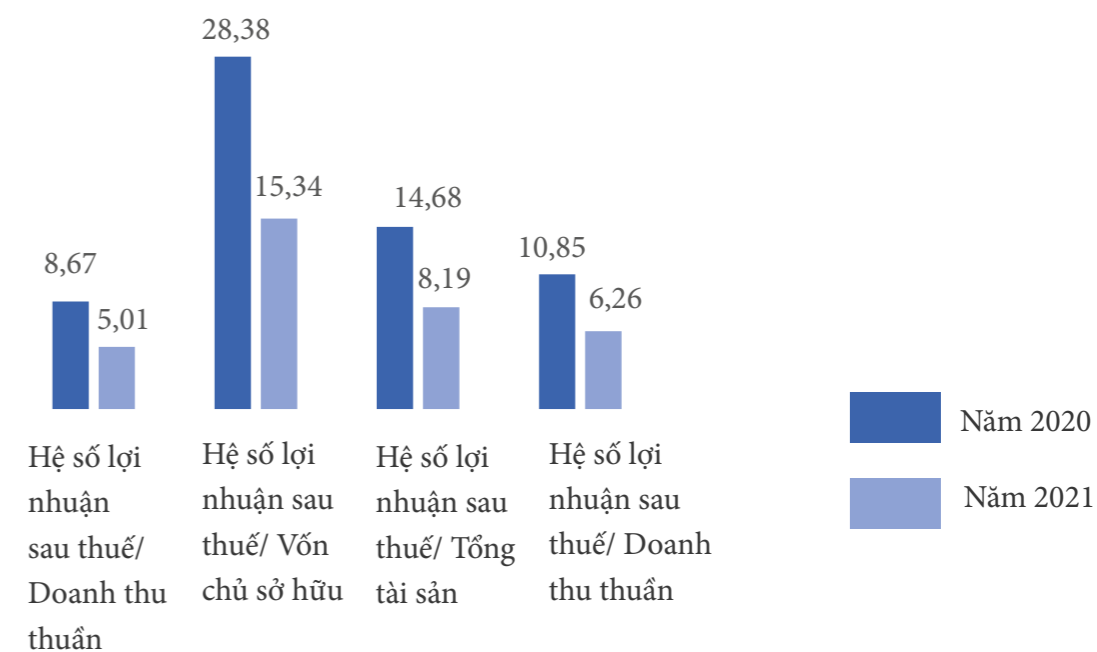


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm qua, doanh thu thuần tăng 8,88% (tương đương 149,8 tỷ đồng), nhưng giá vốn hàng bán tăng 15,04% (tương đương 209,76 tỷ đồng) so với năm 2020; trong khi chi phí tài chính giảm 41,09%, nhưng các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều tăng lần lượt là 7,3% và 34,98% so với năm 2020; nên lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 37,03% so với năm 2020. Điều này cho thấy các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty ghi nhận mức giảm rõ rệt. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần năm 2021 đạt 5,01%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 15,34%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 8,19%, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần đạt 6,26%.

Nguyên nhân chính là do diễn biến tình hình Covid-19 rất nghiêm trọng trong Quý 2 & 3 dẫn đến tình hình kinh doanh năm 2021 nhiều biến động, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng và không ổn định. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện việc cắt giảm/loại bỏ các tổn thất, lãng phí, gia tăng hiệu quả công tác quản trị và tiếp tục tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tạo nền tảng ổn định cho hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

ĐVT: %



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ PHẦN

Số lượng cổ phần	12.832.437 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	12.832.437 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có
Số cổ phiếu đang lưu hành	12.832.437 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/11/2021)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Nhà nước			
II	Cổ đông nội bộ			
III	Cổ đông trong nước	289	669.234	5,22%
1	- Tổ chức	18	539	0,004%
2	- Cá nhân	271	668.695	5,21%
IV	Cổ đông nước ngoài	32	12.163.203	94,78%
1	- Tổ chức	10	12.140.535	94,61%
2	- Cá nhân	22	22.668	0,18%
	TỔNG CỘNG	321	12.832.437	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

BÁO CÁO QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Với đặc thù ngành sản xuất bao bì giấy, chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn và có ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản phẩm cũng như lợi nhuận của Công ty. Do vậy, doanh nghiệp muốn phát triển lâu dài, bền vững thì cần phải chú trọng kiểm tra, rà soát hàng tồn kho, sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu và lựa chọn nhà cung cấp nguyên vật liệu có uy tín nhằm đảm bảo chất lượng cũng như giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó Công ty cũng phải chú trọng hoàn thiện, chuẩn hóa các bộ tiêu chuẩn định mức tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo các tiêu chuẩn về nguyên vật liệu. Trong năm, Công ty đã thực hiện các chính sách sử dụng nguồn nguyên vật liệu nhằm đạt hiệu quả tốt nhất:

- Công ty sử dụng giấy cuộn để sản xuất sản phẩm bao bì carton và giấy cuộn duplex để sản xuất giấy in offset. Tổng khối lượng sử dụng giấy năm 2021 là: 96.279 tấn.
- Nguyên liệu giấy thải ra trong năm 2021 khoảng 13.857 tấn giấy phế liệu. Công ty chuyển bán toàn bộ 100% cho các công ty sản xuất giấy cuộn trong nước để tái chế lại.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TIÊU THỤ NƯỚC

Hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức lớn về tình trạng ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và đô thị. Tại các thành phố lớn, lượng nước thải chưa qua xử lý của hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang là nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường nguồn nước.

Nắm bắt được vấn đề này, để giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, xây dựng nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CB-CNV sử dụng tiết kiệm nước.

Năm 2021, tổng lượng nước Công ty đã sử dụng là: 85.054 m³/năm và Công ty sử dụng 100% nguồn nước sạch trong sản xuất từ Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai. Phân xưởng Xeo sử dụng nước đã qua hệ thống xử lý nước thải nội tại Phân xưởng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Hiện nay ô nhiễm môi trường đang là vấn đề nhức nhối và nhận được sự quan tâm của cộng đồng. Nhận thức được vấn đề này, sự phát triển của Công ty luôn gắn liền với việc bảo vệ môi trường, do đó, SOVI đã định hướng phát triển hoạt động sản xuất đầu tư theo hướng công nghệ tiên tiến, xanh và thân thiện với môi trường.

Đồng thời, ban lãnh đạo và toàn thể CB – CNV Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất. SVI đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Mạng lưới thoát nước mưa: nước mưa được thu trên mái, sân bãi và đường nội bộ của phân xưởng và đấu nối ra mạng lưới thoát nước mưa của KCN Biên Hòa 1. Mạng lưới được đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời.
- Mạng lưới thoát nước thải: Công ty đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm. Bên cạnh đó, Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp (cột A).

Từ nhận thức và hành động thực tiễn đã giúp Công ty trong năm Công ty không có vi phạm về các quy định pháp luật về môi trường.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực luôn là một phần quan trọng trong mỗi tổ chức và đóng vai trò then chốt trong sự thành bại của mỗi doanh nghiệp. Do vậy, để duy trì đà phát triển thì Công ty cần phải chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực.

Nhân viên	Giờ đào tạo
Quản lý cấp Trung cao	6
Chuyên viên, Tổ trưởng	7
Nhân viên thừa hành, dịch vụ	8
Công nhân sản xuất	8

Trong các hoạt động đào tạo nhân viên, Công ty vẫn duy trì tổ chức nhiều chương trình huấn luyện bên trong và bên ngoài, trong đó có các chương trình được tài trợ của JICA và Trung tâm 3:

- Chương trình đào tạo sản xuất tinh gọn (Lean).
- Chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cao cấp Keieijuku.
- Chương trình huấn luyện về FSC – Coc.
- Chương trình huấn luyện 5S; An toàn lao động, Sơ cấp cứu, ứng phó với tình huống khẩn cấp; PCCC.
- Chương trình huấn luyện bảo trì thiết bị

Nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các chính sách sau:

- Nhằm tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, đảm bảo cho người lao động yên tâm làm việc. Công ty đã đề ra những tiêu chí rõ ràng về điều kiện làm việc đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho các CBCNV. Đảm bảo 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, đăng ký mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể theo đúng quy định pháp luật người lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức thăm hỏi và hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn vào các dịp lễ, Tết,...
- Đảm bảo chế độ như nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, cán bộ công nhân viên có thời gian gắn bó với Công ty nhất định sẽ được hưởng chế độ lương tháng thứ 13. Ngoài ra, được thưởng theo quy định của Công ty khi đến lễ và Tết. Đồng thời, tạo điều kiện cho công nhân giao lưu và trao đổi kinh nghiệm qua những hoạt động ngoài trời do Công ty tổ chức.
- Ngoài việc chấp hành trả lương theo đúng quy định, Công ty còn có khoản thưởng dành cho người lao động có đóng góp và làm việc vì lợi ích chung của Công ty. Tạo động lực để người lao động phát huy khả năng trong môi trường làm việc.
- Cung cấp bữa ăn giữa trưa cho người lao động đảm bảo an toàn và chế độ dinh dưỡng, bồi dưỡng công nhân làm tăng ca.
- Thăm hỏi và hỗ trợ người lao động ốm đau, gia đình gặp khó khăn.
- Đảm bảo việc trang bị bảo hộ an toàn cho người lao động trong sản xuất, đồng thời tổ chức khám định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe và khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả trong sản xuất.
- Tạo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh đối với người lao động, tuyên truyền việc giữ gìn và bảo vệ môi trường trong và ngoài Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Nhận thức được rằng sự phát triển bền vững của Công ty gắn bó mật thiết với sự phát triển của xã hội – cộng đồng. Vì vậy, trong năm 2021, Ban lãnh đạo và toàn thể CB – CNV SOVI luôn chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ. Những hoạt động mà Công ty tổ chức không chỉ là hoạt động về tài trợ tài chính mà còn là ý thức bảo vệ môi trường, quan tâm đến đời sống của người dân địa phương.

Một số hoạt động tiêu biểu được thể hiện qua những dữ liệu cụ thể như: Tạo công ăn việc làm cho địa phương, ổn định đời sống kinh tế cho người lao động; góp phần giữ gìn an ninh trật tự địa phương, ngăn ngừa tệ nạn xã hội; đóng góp ngân sách ngày càng lớn cho chính quyền địa phương; đóng góp tài chính cho các hoạt động nhân đạo của các đoàn thể, tổ chức thiện nguyện của địa phương và trung ương.

Đồng thời, Công ty cũng có các hoạt động phòng ngừa sự rò rỉ hóa chất/Chất thải nguy hại trong việc lưu giữ và vận chuyển, tái chế chất thải. Đảm bảo an toàn khi xả nước thải ra môi trường và có bảng an toàn để nhận biết. Bên cạnh đó, Công ty cũng trang bị hệ thống PCCC theo đúng quy định để phòng ngừa các sự cố cháy nổ.

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch hoạt động năm 2022**
- **Kế hoạch hoạt động năm 2022-2023**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ngành công nghiệp bao bì giấy tại Việt Nam được đánh giá là ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh. Tính từ năm 2015 – 2020, tốc độ tăng trưởng trung bình ngành đạt 13.4%. Bên cạnh đó, do những ảnh hưởng của dịch bệnh đã khiến hành vi tiêu dùng của khách hàng đã có sự thay đổi rõ rệt, xu hướng giảm thiểu đồ nhựa, bao nilong đang được người dân hưởng ứng mãnh liệt, nhu cầu đóng gói hàng hóa, sản phẩm bằng các loại hộp giấy tăng cao từ đó thúc đẩy nhu cầu giấy bao bì.

Tuy nhiên, dịch bệnh cũng gây ra những tác động tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty. Những chính sách thắt chặt giãn cách xã hội của Việt Nam và các nước trong khu vực đã khiến chuỗi cung ứng ở cả trong và ngoài nước bị đứt gãy khiến chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển tăng cao. Mặc dù doanh thu thuần trong năm 2021 tăng 8.88%, nhưng giá vốn hàng bán tăng cao (tăng hơn 15,04% so với cùng kỳ) đã khiến lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm mạnh còn 92 tỷ đồng, mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây.

Từ bức tranh kinh tế trong và ngoài nước cùng với thực tiễn hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.687,38	1.837,18	8,88%
Lợi nhuận thuần HĐKD	Tỷ đồng	183,06	114,92	-37,22%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	183,15	115,33	-37,03%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	146,30	92,12	-37,03%



doanh thu thuần

đạt **1.837,18** tỷ đồng

vượt **8,88%** so với năm 2020



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

Tổng tài sản của Công ty năm 2021 ghi nhận đạt 1.160 tỷ đồng, tăng 71 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 6,52% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn là 73,12% tổng tài sản. Cụ thể, Công ty đã tăng hàng tồn kho hơn 71,7 tỷ đồng, tương đương tăng 50,37% so với năm ngoái (chủ yếu nguyên vật liệu và thành phẩm), và duy trì lượng tiền gửi tại ngân hàng là 64,8 tỷ đồng, nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh khoản trong tình hình dịch bệnh phức tạp.

Trong cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty, tài sản cố định vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất với mức là 53,23%, giảm 4.12% so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, tài sản dài hạn khác vẫn chiếm tỷ trọng cao thứ 2, chiếm 43,43%. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản tiền thuê đất trả trước tại KCN Mỹ Phước 3 và KCN Lộc An – Bình Sơn.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	738,40	848,18	14,87%
Tài sản dài hạn	350,65	311,86	-11,06%
Tổng tài sản	1.089,06	1.160,04	6,52%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	489,64	512,96	4,54%
Nợ dài hạn	32,32	13,22	-144,4%
Tổng nợ	521,97	526,18	0,8%

Nhìn chung, tổng nợ của Công ty không có quá nhiều thay đổi khi nhận mức tăng chỉ 0,81% so với năm 2020. Trong đó tỷ trọng nợ ngắn hạn vẫn chiếm chủ yếu trong cơ cấu nợ, chiếm 97,49%, tăng 3,68% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức tăng này chủ yếu là do khoản phải trả khách hàng ngắn hạn tăng 98,76 tỷ đồng. Nợ dài hạn chiếm 2,51% tỷ trọng nợ, giảm 3,68% so với cùng kỳ năm ngoái. Mức giảm này chủ yếu là do Công ty đã thanh toán các khoản vay dài hạn theo đúng hợp đồng vay.

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU, TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CẢI TIẾN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, NÂNG CAO TAY NGHỀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG



- Tiếp tục thực hiện các hoạt động nâng cao tay nghề, năng lực chuyên môn cho CB – CNV thông qua các khóa đào tạo nội bộ. Bên cạnh đó, Công ty cũng mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm nhằm đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất cho CB – CNV.
- Đồng thời, công tác tuyển dụng cũng được tổ chức định kỳ nhằm đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đối với những công việc đơn giản, không yêu cầu kỹ năng chuyên môn cao, Công ty thực hiện tuyển dụng theo hình thức việc làm thời vụ nhằm tiết giảm chi phí.

DUY TRÌ CẢI TIẾN TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Việc đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn cho CB – CNV luôn được Công ty chú trọng, tiếp tục tái cấu trúc nguồn nhân lực trên tinh thần tinh gọn và hiệu quả. Cụ thể:

- Xây dựng mục tiêu và đánh giá KPI của bộ phận và cá nhân, tổ chức các hoạt động xây dựng tinh thần và khả năng giải quyết các tình huống thông qua năng lực làm việc đội nhóm.
- Tiếp tục rà soát hoàn chỉnh nội dung và danh mục các cấp tài liệu để quản lý thống nhất toàn Công ty, hướng dẫn giao việc và kiểm soát công việc và đặc biệt hoàn thành bộ tiêu chí năng lực cốt lõi của Công ty làm cơ sở cho các bộ phận, phân xưởng tiến hành xây dựng tiêu chí ASK cho từng nhân viên cấp dưới.
- Tiếp tục duy trì phân tích chuyên đề theo các lĩnh vực của từng bộ phận phụ trách như khiếu nại chăm sóc khách hàng, theo dõi diễn biến các định mức tiêu hao vật tư chính, phân tích đánh giá các tiêu hao bất thường. Tuy nhiên hiệu quả quản lý vẫn còn khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng cũng như chưa phát huy hết khả năng của từng người và từng công việc.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- Công ty cam kết thực hiện và duy trì hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 nhằm đảm bảo kiểm soát các yếu tố của các quá trình liên quan, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng đủ yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá chất lượng nội bộ, kiểm tra giám sát tuân thủ hàng ngày, đảm bảo hiệu lực và hiệu quả trong Hệ thống chất lượng.
- Giải quyết nhanh chóng và hiệu quả các phàn nàn, khiếu nại của khách hàng, đảm bảo sự hài lòng khi của khách hàng mua hàng tại Công ty.
- Khi có sự cố phát sinh, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình việc tìm ra gốc rễ của vấn đề từ đó đưa ra các biện pháp giải quyết cũng như phòng ngừa để loại bỏ những sự cố này phát sinh trong tương lai.

CHÍNH SÁCH TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Công ty đã cải thiện áp dụng duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, đảm bảo yêu cầu về các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm và được các khách hàng ghi nhận. Việc cải tiến chất lượng và khắc phục lỗi chất lượng đã đáp ứng theo yêu cầu đổi mới từ phía khách hàng nên chất lượng sản phẩm năm 2021 đã cải thiện đáng kể, tỷ lệ phàn nàn của khách hàng đã giảm so với năm 2020

Sản phẩm chủ đạo của Công ty vẫn là bao bì Carton và bao bì Offset với đa dạng chủng loại, kiểu dáng.



Chủ động đẩy mạnh công tác duy trì mối quan hệ nhằm gia tăng thị phần tại phân khúc khách hàng truyền thống, giữ vững thị phần. Đồng thời đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, tìm kiếm, tiếp cận khách hàng mới

Thực hiện đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho bộ phận bán hàng, chăm sóc khách hàng để khách hàng có thể được tư vấn kỹ lưỡng từ khâu thiết kế đến khâu xuất khẩu và các vấn đề phát sinh khác.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Với việc ký kết tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do như: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Anh (UKVFTA). Bên cạnh đó, ngày 15/11/2020, đại diện 10 nước ASEAN và 5 nước đối tác (Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, New Zeland, Hàn Quốc) chính thức đặt bút ký Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), mở ra cơ hội mới cho hợp tác thương mại đa phương dự kiến sẽ mang lại nhiều cơ hội cho ngành sản xuất của Việt Nam từ đó thúc đẩy ngành giấy và bao bì của Việt Nam tăng mạnh.

Ngoài ra, xu thế dịch chuyển dòng vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đang diễn ra do ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung và sự kiểm soát tốt dịch Covid-19, Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi từ sự dịch chuyển cung ứng. Việc thúc đẩy đầu tư công và giải ngân vốn cũng như các chính sách kích tiêu dùng nội địa của Chính phủ sẽ kéo theo tăng trưởng tiêu dùng giấy bao bì, giấy in,...

Với những nhận định về thị trường và tình hình kinh tế trong và ngoài nước, Ban lãnh đạo của Công ty đã lên kế hoạch và mục tiêu phát triển cho năm 2022 cụ thể như sau:



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023
Bao bì giấy (Carton, Offset)	Tấn	105.000
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.300
LN trước thuế TNDN	Tỷ đồng	180
Cổ tức	%	20%

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Tiếp tục chiến lược đầu tư đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.

Đặc biệt chú trọng trong công tác quản lý hàng tồn kho, dự báo nhu cầu, tốc độ tăng trưởng đơn hàng không để xảy ra tình trạng thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.

Tiếp tục rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng thông qua giá cả hợp lý và cạnh tranh nhất so với đối thủ trên thị trường v.v... thông qua các chương trình kiểm soát và tiết giảm chi phí từ định mức nhân viên; giá mua trên thị trường; tăng năng suất lao động; giảm thời gian chết của máy móc thiết bị, ...nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh của công ty.

Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp:

1. Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng; cần thiết và khả thi.
2. Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, làm được và tuân thủ thực hiện.
3. Các kết quả chất lượng phải được đo lường, được ghi nhận và phân tích để cải tiến.
4. Tuân thủ điều tra nguyên nhân theo 3M (hiện trường, hiện trạng, hiện vật) & hành động khắc phục phòng ngừa. Duy trì hoạt động đánh giá chất lượng nội bộ.
5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường và khách hàng thông qua việc tổ chức hoạt động marketing độc lập để nghiên cứu thị trường, khách hàng. Củng cố lại đội ngũ bán hàng, nâng cao kỹ năng bán hàng, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, tiếng Hoa
6. Tiếp tục triển khai thường xuyên công tác huấn luyện và đào tạo các kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm cho các cấp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc cho từng thành viên. Chủ động và mở rộng công tác đào tạo nội bộ thường xuyên về các kỹ năng làm việc, kỹ năng sản xuất cho từng công nhân sản xuất nhằm tối ưu hóa các quy trình sản xuất thông qua việc vận hành theo đúng quy trình, quy định, từ đó hạn chế các sai lỗi trong quá trình sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí.
7. Tập trung hoàn tất việc triển khai các giải pháp ứng dụng phần mềm trong công tác quản trị sản xuất và điều hành nhằm tối ưu hóa từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2021 là năm thứ hai liên tiếp kinh tế thế giới chứng kiến những bất ổn và thách thức nghiêm trọng do tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát, lan rộng trên thế giới. Điều này ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng toàn cầu cũng như đặt ra thách thức rất lớn trong kiểm soát dịch và điều hành nền kinh tế của Chính phủ các nước trên thế giới. Tuy nhiên, nhiều nước trên thế giới đã thực hiện chính sách phù hợp trong việc kiểm soát dịch bệnh và ổn định kinh tế. Nhờ đó, nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới đã có sự tăng trưởng ấn tượng trong năm 2021 sau khi phải hứng chịu những thiệt hại nặng nề từ năm 2020, cụ thể:

- Kinh tế Mỹ đã bật tăng trở lại với mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 5,7% trong năm 2021, đánh dấu sự phục hồi ấn tượng sau sự suy giảm mạnh trong năm 2020, và được xem là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 1984
- Trong khi đó, GDP của Trung Quốc, nền kinh tế thứ 2 trên thế giới có mức tăng trưởng năm 2021 là 8,1% so với năm 2020. Mức tăng trưởng này được đánh giá là nhanh nhất trong một thập kỷ và vượt xa mục tiêu hằng năm của chính phủ là đạt tốc độ tăng trưởng trên 6%.
- Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone): Tăng trưởng GDP bình quân của khu vực này đạt mức 5,2% trong năm 2021. Dẫn đầu về tăng trưởng của khu vực Eurozone nói riêng và châu Âu nói chung là Pháp, với tỷ lệ tăng trưởng đạt mức 7% trong năm 2021. Đây cũng là mức tăng trưởng GDP cao nhất mà nước Pháp đạt được trong suốt 52 năm qua. Trong số các nền kinh tế lớn khác của châu Âu, Italia xếp thứ hai về tốc độ tăng trưởng trong năm 2021 với 6,3%, Tây Ban Nha đạt mức 5%. Tuy nhiên, nền kinh tế lớn nhất châu Âu là Đức chỉ đạt mức tăng trưởng GDP cả năm 2021 là 2,8%.

Năm 2021 là một năm đầy thách thức với kinh tế Việt Nam, dịch Covid-19 với biến chủng mới đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, GDP quý III giảm sâu (giảm 6,02% so với cùng kỳ năm trước). Nhiều tỉnh, thành phố là đầu tàu kinh tế, trọng điểm sản xuất công nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Long An, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang,...

Trong tình hình đó, Chính phủ đã có những quyết sách để kiểm soát, phòng chống sự lây lan của dịch bệnh, ổn định nền kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Nhờ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh được hoạt động trở lại trong trạng thái bình thường mới, lưu thông giữa các tỉnh, thành phố đã cởi mở hơn, kinh tế dần hồi phục và tăng trưởng trở lại ở những tháng cuối năm. Kết quả là, tăng trưởng kinh tế năm 2021 ước tính đạt 2,58% so với năm 2020; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã thể hiện rõ vai trò bệ đỡ của nền kinh tế với mức tăng 2,9%, đóng góp 13,97% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Trong khi đó, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2021 tăng 4,8% so với năm 2020; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm 2020. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2021 xuất siêu 4 tỷ USD; vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước tính đạt 2.891,9 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm trước; tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020. Nhìn chung, lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản năm 2021 tăng 0,81%.

Theo Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam (VPPA), tiêu dùng giấy toàn ngành năm 2021 ước tính đạt 5,242 triệu tấn, tăng trưởng đạt 4,6%; xuất khẩu giấy đạt 1,532 triệu tấn, giảm 16% so với năm 2020; nhập khẩu giấy đạt 2,13 triệu tấn, tăng 6,2% so với năm 2020. Nguyên nhân chính ảnh hưởng hoạt động xuất khẩu là do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dẫn đến tắc nghẽn chuỗi cung ứng hàng hóa cả hai đầu nhập khẩu nguyên liệu sản xuất đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra. Trong khi đó, tổng tiêu thụ giấy bao bì đạt 4,545 triệu tấn, tăng trưởng 6,0% so với cùng kỳ. Xuất khẩu giấy bao bì trong năm giảm mạnh ở một số thị trường, trong khi nhập khẩu đạt 1,429 triệu tấn, tăng 10,9% so với năm 2020. Bên cạnh đó, tổng tiêu dùng và nhập khẩu giấy tissue giảm 2,8% và 6% so với năm 2020. Một nhân tố quan trọng tác động mạnh đến các doanh nghiệp trong ngành bao bì là sự biến động giá NVL giấy trong năm qua.



Ngoài những thuận lợi và thách thức chung của nền kinh tế, Công ty CP Bao Bì Biên Hòa trong năm 2021 ghi nhận những thuận lợi, khó khăn như sau:

THUẬN LỢI

- Tăng trưởng của ngành bao bì giấy trung bình gấp trên 1,5 lần so với tăng trưởng GDP. Ngoài ra, xu hướng thương mại điện tử ngày càng phát triển, hoạt động sản xuất hàng hóa tiêu dùng, thực phẩm và hàng hóa xuất khẩu tăng trưởng trong thời gian qua. Điều này góp phần gia tăng hơn nữa nhu cầu sử dụng sản phẩm giấy bao bì. Thêm vào đó, việc sử dụng bao bì giấy cũng đang được khuyến khích ở nhiều quốc gia với những ưu điểm vượt trội so với bao bì bằng nhựa, kim loại và gỗ. Bao bì giấy hiện là sản phẩm chính, chiếm gần 50% tổng tiêu thụ toàn ngành giấy và cũng là loại được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 45% tổng kim ngạch nhập khẩu giấy. Xu hướng tăng sử dụng giấy bao bì trong thương mại và việc Trung Quốc đang thực hiện việc hạn chế sản xuất giúp các doanh nghiệp giấy bao bì ở Việt Nam hưởng lợi.
- Toàn thể Ban Điều hành, cán bộ quản lý và NLĐ trong Công ty đã thể hiện tinh thần quyết tâm, đổi mới, đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc vì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.
- SOVI tiếp tục được các tổ chức tín dụng cấp vốn với mức chi phí thấp so với mặt bằng chung của thị trường vào từng thời điểm. Điều này có được là do mức tín nhiệm tín dụng nhiều năm liền của SOVI được đánh giá cao (AAA) đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc chủ động triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Bao bì giấy tiếp tục cho thấy là ngành sản xuất còn nhiều tiềm năng, ngày càng phát triển, cải tiến cũng như khó có thể thay thế được vì có tính thân thiện với môi trường. Điều này càng củng cố thêm nhận định rằng ngành sản xuất bao bì giấy sẽ ngày càng phát triển và ổn định hơn.



KHÓ KHĂN

- Thị trường ngành bao bì giấy tiếp tục cạnh tranh khốc liệt. Cũng theo VPPA, hiện nay cả nước có hơn 200 doanh nghiệp tham gia sản xuất bao bì giấy, phần lớn là sản xuất bao bì Carton. Riêng tại Bình Dương và Đồng Nai có nhiều doanh nghiệp FDI được đầu tư quy mô lớn, quản lý chuyên nghiệp. Nhiều đối thủ chính của Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, công nghệ hiện đại tiên tiến và mở rộng quy mô bán hàng nhằm chiếm lĩnh thị trường & thị phần. Thêm vào đó, nhiều nhà đầu tư FDI xây dựng thêm nhà máy tạo áp lực cho thị trường cung vượt cầu, cạnh tranh trực tiếp của các đối thủ đến các khách hàng lớn của Công ty với chiến lược giá thấp, dẫn đến sự xáo trộn và thách thức thị phần hiện có của SOVI.
- Giá các loại NVL, đặc biệt giấy cuộn thường không ổn định và khó dự đoán trong 1 chu kỳ sản xuất. Cùng với chính sách duy trì siết chặt việc bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn kỹ thuật giấy phế liệu của Chính phủ Trung Quốc đang làm giảm nguồn cung nguyên vật liệu và giấy để sản xuất bao bì đang tác động đến nguồn cung sản xuất giấy cuộn. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam tiếp tục siết chặt việc quản lý phế liệu nhập khẩu cũng ảnh hưởng đến việc nhập khẩu giấy phế liệu vào Việt Nam.

Bằng việc nhận dạng những khó khăn cũng như tận dụng những lợi thế riêng, Ban Điều hành đã đưa ra những quyết định kịp thời, linh hoạt nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định và đã đạt được kết quả kinh doanh trong năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% thực hiện so với kế hoạch 2021	% thực hiện so với 2020
Sản lượng (bao bì carton % Offset)	Tấn	86.440	90.755	82.090	90,45%	94,97%
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.687,38	1.810,00	1.837,18	10,50%	108,88%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	183,15	140,00	115,33	82,38%	62,97%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết thúc một năm 2021 đầy biến động, Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành công ty vượt qua các khó khăn và cũng đã đạt được những thành tựu nhất định. Cụ thể, Ban Tổng Giám Đốc đã hoàn thành tốt các nội dung công việc sau.

- Đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo thu nhập cho người lao động.
- Thường xuyên, liên tục kiểm tra các hoạt động về công tác tài chính, kiểm tra hệ thống kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh.
- Xây dựng các kế hoạch, đánh giá, kiểm soát chi phí, qua đó kịp thời đưa ra các giải pháp giữ vững và nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.
- Trực tiếp chỉ đạo, giám sát, định hướng SXKD tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa.
- Đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty trong năm 2021.
- Định kỳ báo cáo với Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, đề xuất các giải pháp liên quan để Hội đồng quản trị vừa nắm bắt được tình hình hoạt động của Công ty vừa có căn cứ chính xác và thực tế để đưa ra quyết sách hợp lý, phù hợp với chiến lược dài hạn mà Công ty đã đề ra trước đó.
- Tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cũng như các quyết định mà Hội đồng quản trị đã ban hành trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin. Tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo định kỳ hoặc bất thường.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới biến động do những bất ổn về chính trị và có tác động nhất định đến kinh tế Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc vẫn hoàn thành tốt vai trò, chức năng và nhiệm vụ của mình trong công tác quản lý nội bộ và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng ở mức 6,5% - 7,0%, cùng với nhiều rủi ro và thách thức vẫn còn tồn tại. Bên cạnh những thuận lợi như môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, dòng vốn đầu tư quốc tế tiếp tục đến Việt Nam,...., thì đại dịch COVID-19 toàn cầu vẫn đang là thách thức lớn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Việc dịch bệnh bùng phát và lây nhiễm ở hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ hiện nay đang ảnh hưởng không nhỏ đến chuỗi cung ứng toàn cầu, quá trình lưu thông hàng hóa và tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Thêm vào đó, chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp; sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; giá nguyên liệu đầu vào nhiều biến động và khó dự đoán; thị trường bao bì ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

Với bối cảnh trên, cộng với khả năng và nguồn lực hiện tại của mình, HĐQT Công ty đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
Sản lượng (Bao bì Carton & Offset)	Tấn	98.000
Doanh thu	Tỷ đồng	2.165
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	154
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	123

5

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao, lương, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm		
1	Ông Suchai Korprasertsri	Chủ tịch HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
2	Ông Sompob Witworrasakul	Phó Chủ tịch HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
3	Ông Hirofumi Hori	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
4	Ông Toshinobu Sada	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
5	Ông Tawatchai Jungsomsri	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
6	Ông Ekarach Sinnarong	Thành viên HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
7	Ông Đinh Quang Hùng	Thành viên (độc lập) HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
8	Bà Saranya Skontanarak	Thành viên (độc lập) HĐQT	09/12/2020	19/04/2023	0	0%
9	Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên (độc lập) HĐQT	15/01/2019	19/04/2023	0	0%

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Suchai Korprasertsri	05/05	100%	
2	Ông Sompob Witworrasakul	05/05	100%	
3	Ông Hirofumi Hori	05/05	100%	
4	Ông Toshinobu Sada	04/05	80%	Cá nhân
5	Ông Tawatchai Jungsomsri	05/05	100%	
6	Ông Ekarach Sinnarong	05/05	100%	
7	Ông Đinh Quang Hùng	05/05	100%	
8	Bà Saranya Skontanarak	05/05	100%	
9	Ông Nguyễn Quý Thịnh	04/05	80%	Cá nhân

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá tình hình thực hiện SXKD và kết quả kinh doanh năm 2020. Phân tích nguyên nhân từ đó định hướng hoạt động SXKD năm 2021.
- Chỉ đạo điều hành, phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng/quý. Thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình SXKD – Tài chính theo kế hoạch đã phê duyệt.
- Chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2021.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (02/06/2021) và Đại hội đồng cổ đông thất thường lần 01/2021 (24/12/2021).
- Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH - CN TP.HCM, Ngân hàng TNHH CTBC, Ngân hàng Malayan Banking Berhad, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN – CN Biên Hòa nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty trong năm 2021.
- Giám sát việc thực hiện đầu tư, kinh doanh theo phương hướng kế hoạch SXKD năm 2021 đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ 2021 thông qua ngày 02/06/2021.
- Chỉ đạo, định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa.

HOẠT ĐỘNG CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy Ban Nhân sự và lương thưởng.

- Soát xét hệ thống lương thưởng, quỹ lương năm 2021 của Công ty phù hợp với thực tế.
 - Quy định, phê duyệt và xử lý các vấn đề phát sinh về nhân sự trong quá trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, điều chuyển công tác.
 - Giám sát Ban điều hành, các cấp quản lý.
 - Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.
- Ủy Ban Quản lý Rủi ro.
- Kiểm soát quy trình/ quy định trong việc quản lý chi phí, đầu tư, mua sắm (chi phí hoạt động, nguyên phụ liệu, vật tư phụ tùng, máy móc thiết bị, tài sản khác,...)
 - Kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn, tài sản tại Công ty.
 - Phương án xử lý những tài sản không hiệu quả, tồn kho lâu ngày.
 - Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của HĐQT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT.2021	17/03/2021	<ul style="list-style-type: none">+ Thông qua số liệu báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020+ Thông qua kế hoạch kinh doanh 2021+ Thông qua Sơ đồ cấu trúc mới, Ban cố vấn và Ban điều hành của SOVI+ Xem xét mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021.+ Thông qua kế hoạch ngân sách về lương thưởng cho cấp quản lý và nhân viên năm 2021.+ Thông qua việc bổ nhiệm các thành viên thuộc Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng và ủy ban Quản lý rủi ro.
2	02/NQ-HĐQT.2021	01/04/2021	<ul style="list-style-type: none">- HĐQT thông qua nội dung sau đây:<ul style="list-style-type: none">+ Thông qua việc thay đổi vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.+ Xem xét số liệu báo cáo tài chính được kiểm toán tại ngày 31/12/2020+ Thông qua ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định/ Ký tất cả các chứng cứ liên quan đến ngân hàng.+ Thông qua việc sắp xếp, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và xem xét các vấn đề liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.+ Xem xét trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 về việc chia cổ tức trong năm 2021 (dựa trên kết quả kinh doanh năm 2020)+ Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro sắp xếp, tổ chức hoạt động của Phòng Kiểm toán nội bộ.+ Xem xét việc thay đổi thành viên trong ban kiểm soát của Công ty để trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2021.
3	02A/NQ-HĐQT.2021	01/04/2021	Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH – CN Tp. HCM.

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
4	02B/NQ-HĐQT.2021	01/04/2021	Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH CTBC
5	02C/NQ-HĐQT.2021	01/04/2021	Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Malaysian Banking Berhad
6	02D/NQ-HĐQT.2021	26/04/2021	Ủy quyền vốn vay, hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN – CN Biên Hòa.
7	03/NQ-HĐQT.2021	02/06/2021	HĐQT thông qua nội dung sau đây: <ul style="list-style-type: none">+ Thông qua việc bầu Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.+ Thông qua công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
8	04/NQ-HĐQT.2021	11/08/2021	HĐQT thông qua nội dung sau đây <ul style="list-style-type: none">+ Thông qua báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2021.+ Thông qua việc đầu tư máy móc thiết bị lần 1 năm 2021.
9	05A/NQ-HĐQT.2021	28/10/2021	HĐQT thông qua việc sắp xếp, tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021 và xem xét các vấn đề liên quan đến Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2021.
10	05B/NQ-HĐQT.2021	28/10/2021	Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc tiếp tục duy trì các giao dịch thương mại, ký kết các hợp đồng kinh tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (SOVI) và các đơn vị là các bên liên quan.
11	05C/NQ-HĐQT.2021	28/10/2021	HĐQT thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.
12	05D/NQ-HĐQT.2021	28/10/2021	HĐQT thông qua nội dung sau đây: <ul style="list-style-type: none">+ Thông qua báo cáo tài chính Quý 3 năm 2021.+ Thông qua việc ủy quyền nguyên tắc của Công ty cho các cấp quản lý.

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Krasame Singhakul	Trưởng BKS	09/12/2020	19/04/2023
2	Ông Wattana Intachoom	TV BKS	09/12/2020	19/04/2023
3	Bà Phạm Ngọc Bảo Trâm	TV BKS	09/12/2020	02/06/2021
4	Theamhathai Tibfan	TV BKS	02/06/2021	19/04/2023

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Krasame Singhakul	2/2	100%	
2	Ông Wattana Intachoom	2/2	100%	
3	Bà Phạm Ngọc Bảo Trâm	1/1	100%	Miễn nhiệm
4	Theamhathai Tibfan	1/1	100%	Bắt đầu nhiệm kỳ

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban Kiểm Soát đã thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty. Thực hiện việc đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị trong các kỳ họp định kỳ.

Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành Công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:
- Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; kiểm tra các tờ trình của Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong thời gian qua.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động; nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
- Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho Hội đồng quản trị. Nhờ đó, BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.



BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO, LƯƠNG, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Công ty đã chi thù lao, lương, các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát là 4.537.787.168 đồng.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đang là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành.

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Giá trị giao dịch		Ghi chú
			Giá trị (Mua)	Giá trị (Bán)	
1	Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	Công ty liên quan	340.648.595.942	23.973.688.000	Hàng hóa
2	Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	Công ty liên quan	0	8.031.595.476	Hàng hóa
3	Công ty Công nghiệp Tân Á	Công ty liên quan	2.184.705.900	3.934.352.010	Hàng hóa
4	Công ty TNHH Sản xuất Bao Bì Alcamax (Việt Nam)	Công ty liên quan	471.573.100	3.931.023.405	Hàng hóa
5	Công ty TNHH Sản xuất Bao Bì Packamex (Việt Nam)	Công ty liên quan	159.125.600	48.970.000	Hàng hóa
6	Thai Containers Group Co., Ltd.	Công ty liên quan	6.070.567.372	0	Dịch vụ
7	PT Fajar Surya Wisesa TBK	Công ty liên quan	12.088.580.753	0	Hàng hóa
8	PT Dayasa Aria Prima	Công ty liên quan	2.422.855.218	0	Hàng hóa
9	Công ty CP Sản Xuất Nhựa Duy Tân	Công ty liên quan	139.868.180	11.388.605.845	Hàng hóa



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

- Ý kiến kiểm toán viên
- Báo cáo tài chính được kiểm toán 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo: HCM11609
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2021-006-1


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		848.185.093.998	738.404.030.662
110	Tiền		64.896.811.446	32.816.314.983
111	Tiền	3	64.896.811.446	32.816.314.983
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		134.500.000.000	150.500.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	134.500.000.000	150.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		432.637.403.060	410.514.209.982
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	427.611.434.092	409.903.239.016
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.262.801.628	377.042.905
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	1.395.162.449	2.454.618.072
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(2.831.995.109)	(2.220.690.011)
140	Hàng tồn kho	9	213.948.392.280	142.359.920.376
141	Hàng tồn kho		214.063.380.828	142.359.920.376
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(114.988.548)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.202.487.212	2.213.585.321
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	1.964.076.530	2.213.585.321
152	Thuế GTGT được khấu trừ	15(b)	238.410.682	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		311.861.687.790	350.645.016.580
210	Khoản phải thu dài hạn		104.025.000	122.025.000
216	Phải thu dài hạn khác		104.025.000	122.025.000
220	Tài sản cố định		166.034.772.966	201.164.540.618
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	165.609.094.594	200.463.047.010
222	Nguyên giá		626.838.831.608	618.985.980.618
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(461.229.737.014)	(418.522.933.608)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	425.678.372	701.493.608
228	Nguyên giá		2.965.022.613	2.965.022.613
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.539.344.241)	(2.263.529.005)
240	Tài sản dở dang dài hạn		10.267.662.999	10.069.112.647
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	10.267.662.999	10.069.112.647
260	Tài sản dài hạn khác		135.455.226.825	139.289.338.315
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	132.810.267.234	137.429.496.161
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	13	2.644.959.591	1.859.842.134
270	TỔNG TÀI SẢN		1.160.046.781.788	1.089.049.047.242


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		526.184.429.139	521.965.447.331
310	Nợ ngắn hạn		512.959.631.184	489.642.104.844
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	345.765.970.525	246.997.844.476
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		52.338.332	64.918.701
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(a)	10.165.126.067	16.252.366.230
314	Phải trả người lao động	16	9.801.368.430	10.026.202.922
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	28.586.293.965	28.767.472.459
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	447.336.257	487.448.348
320	Vay ngắn hạn	19(a)	115.421.129.166	172.392.952.266
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.720.068.442	14.652.899.442
330	Nợ dài hạn		13.224.797.955	32.323.342.487
338	Vay dài hạn	19(b)	-	23.024.131.818
342	Dự phòng phải trả dài hạn	21	13.224.797.955	9.299.210.669
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		633.862.352.649	567.083.599.911
410	Vốn chủ sở hữu		633.862.352.649	567.083.599.911
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22,23	128.324.370.000	128.324.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		128.324.370.000	128.324.370.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	23	636.060.646	636.060.646
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	153.593.356.183	153.593.356.183
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	351.308.565.820	284.529.813.082
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		259.189.085.264	210.713.914.806
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		92.119.480.556	73.815.898.276
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.160.046.781.788	1.089.049.047.242


Lý Phát
Người lập


Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng




Ekarach Sinarong
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng	1.839.060.772.826	1.687.820.421.011
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.878.148.298)	(440.737.230)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	1.837.182.624.530	1.687.379.683.781
11	Giá vốn hàng bán	(1.604.668.420.313)	(1.394.903.371.021)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	232.514.204.217	292.476.312.760
21	Doanh thu hoạt động tài chính	8.804.677.780	5.452.346.613
22	Chi phí tài chính	(6.270.802.908)	(10.643.897.268)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(6.010.628.591)	(10.420.486.245)
25	Chi phí bán hàng	(79.660.687.033)	(74.239.330.551)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(40.470.181.849)	(29.981.774.200)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	114.917.210.207	183.063.657.354
31	Thu nhập khác	793.645.772	1.027.348.595
32	Chi phí khác	(378.488.589)	(942.065.608)
40	Lợi nhuận khác	415.157.183	85.282.987
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.332.367.390	183.148.940.341
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(23.998.004.291)	(37.245.472.362)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	785.117.457	391.785.369
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	92.119.480.556	146.295.253.348
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.178	10.818
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.178	10.818

Lý Phát
Người lập

Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng


Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	115.332.367.390	183.148.940.341
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	43.951.536.403	40.290.805.047
03	Các khoản dự phòng	4.451.880.932	2.860.038.441
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	71.684.305	176.575.018
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(8.508.890.113)	(5.909.916.061)
06	Chi phí lãi vay	6.010.628.591	10.420.486.245
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	161.309.207.508	230.986.929.031
09	Tăng các khoản phải thu	(23.696.801.384)	(81.541.781.007)
10	Tăng hàng tồn kho	(71.703.460.452)	(9.799.291.813)
11	Tăng các khoản phải trả	94.987.056.369	38.261.186.277
12	Giảm chi phí trả trước	4.868.737.738	3.874.647.332
14	Tiền lãi vay đã trả	(6.419.192.065)	(10.198.173.391)
15	Thuế TNDN đã nộp	(26.804.070.182)	(39.959.118.909)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(11.932.831.000)	(14.368.473.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	120.609.246.522	117.255.923.920
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(8.226.478.252)	(64.219.814.039)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ	58.181.818	631.904.545
23	Tiền chi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(255.487.347.945)	(150.500.000.000)
24	Tiền thu hồi đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	271.487.347.945	22.000.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi	9.376.887.200	3.302.016.995
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	17.208.590.766	(188.785.892.499)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu đi vay	788.298.403.853	790.554.600.464
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(868.294.358.771)	(753.393.219.450)
36	Tiền chi trả cổ tức	(25.664.874.000)	(25.664.874.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(105.660.828.918)	20.496.507.014
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	32.157.008.370	(51.033.461.565)
60	Tiền đầu năm	32.816.314.983	83.963.765.745
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(76.511.907)	(113.989.197)
70	Tiền cuối năm	64.896.811.446	32.816.314.983

Lý Phát
Người lập

Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng


Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CNXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên số 4703000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 8 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất thay đổi lần thứ 11 số 3600648493 cấp ngày 24 tháng 1 năm 2022.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 với mã giao dịch là SVI.

Chủ sở hữu của Công ty bao gồm Công ty TCG Solutions Pte. Ltd và các cổ đông khác. Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 22(b).

Hoạt động chính của công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc có chi tiết như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	Lô B-6A-CN Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Chi nhánh được thành lập thành lập tại nước CNXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh đầu tiên số 3600648493-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 1 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh thay đổi gần nhất số 3600648493-001 ngày 13 tháng 5 năm 2020.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 739 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 830 nhân viên).

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Công ty xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ này để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.6 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định ("TSCĐ")***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
TSCĐ khác	4 năm
Nhãn hiệu hàng hoá	3 năm
Phần mềm	3 - 5 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.19 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại dài hạn và ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.14 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.16 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức phải trả được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông và Công ty chốt được danh sách các cổ đông nhận cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, công ty trích có các quỹ dự phòng như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Công ty không trích lập Quỹ đầu tư phát triển kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Điều lệ mới nhất ngày 24 tháng 12 năm 2021.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các Cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên. Công ty không trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Điều lệ mới nhất ngày 24 tháng 12 năm 2021.

2.19 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm và hàng hóa.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo hồ nhân chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.28 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 11);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8);
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9);
- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 13); và
- Dự phòng phải trả dài hạn (Thuyết minh 21).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	216.694.669	174.195.546
Tiền gửi ngân hàng	64.680.116.777	32.642.119.437
	<u>64.896.811.446</u>	<u>32.816.314.983</u>

4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	134.500.000.000	134.500.000.000	150.500.000.000	150.500.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,7% đến 6,5%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	61.510.201.013	50.073.267.564
Công ty TNHH Nước Giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	32.039.669.897	34.848.634.772
Công ty TNHH Nestlé Việt Nam	20.765.550.360	28.976.937.233
Khác	303.132.376.561	292.470.322.026
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	10.163.636.261	3.534.077.421
	<u>427.611.434.092</u>	<u>409.903.239.016</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó có khả năng thu hồi lần lượt là 65.352.737.254 Đồng và 4.262.387.853 Đồng như trình bày tại Thuyết minh 8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng giá trị khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là 325,95 tỷ Đồng) (Thuyết minh 19(a)).

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Lian Tsee Machinery Industrial Co., Ltd	5.114.475.000	-
Khác	1.148.326.628	377.042.905
	<u>6.262.801.628</u>	<u>377.042.905</u>

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Tạm ứng cho nhân viên	13.600.000	132.000.000
Lãi tiền gửi	1.049.815.616	1.975.994.521
Đặt cọc	327.688.000	77.200.000
Khác	4.058.833	269.423.551
	<u>1.395.162.449</u>	<u>2.454.618.072</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2021		31.12.2020		Thời gian quá hạn
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Khoản phải thu quá hạn thanh toán					
Công ty TNHH Nông nghiệp Red Sun	1.009.642.440	-	1.009.642.440	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Gia Mỹ	1.400.300.194	700.150.097	700.150.097	1.907.312.352	Từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH Kim Bách Túng	425.934.200	213.467.100	213.467.100	-	Từ 1 đến 2 năm
Ana Water and Smiler Beverage Co., Ltd.	178.176.574	-	178.176.574	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	61.510.201.013	61.547.351.533	-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm
Công ty TNHH Sản xuất Nước giải Khát Mercury Khác	115.463.400	-	115.463.400	-	Trên 3 năm
	712.019.433	459.773.415	252.248.018	134.365.460	Từ 6 tháng đến 3 năm
	<u>65.352.737.254</u>	<u>62.720.742.145</u>	<u>2.631.995.109</u>	<u>2.041.697.842</u>	
			<u>4.262.387.853</u>	<u>2.220.690.011</u>	

9 HÀNG TỒN KHO

	2021		2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.995.686.663	-	2.260.909.308	-
Nguyên liệu, vật liệu	187.855.276.380	-	125.006.734.883	-
Công cụ, dụng cụ	259.092.403	-	244.744.039	-
Chi phí SXKD dở dang	5.524.763.022	-	4.075.595.547	-
Thành phẩm	17.035.876.483	(114.988.548)	10.156.764.225	-
Hàng gửi bán	392.685.877	-	615.172.374	-
	<u>214.063.380.828</u>	<u>(114.988.548)</u>	<u>142.359.920.376</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có hàng tồn kho của Công ty được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho của Công ty với tổng giá trị là 132 tỷ Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn) (Thuyết minh 19(a)).

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2021 VND	2020 VND
Công cụ, dụng cụ	933.310.796	1.222.608.689
Chi phí bảo hiểm	532.709.152	379.894.126
Chi phí bảo trì, sửa chữa	137.081.333	172.552.335
Khác	360.975.249	438.530.171
	<u>1.964.076.530</u>	<u>2.213.585.321</u>

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Tiền thuê đất	129.668.276.083	133.154.237.755
Chi phí bảo trì, sửa chữa	894.291.476	1.889.220.044
Công cụ, dụng cụ	879.449.959	1.542.848.492
Khác	1.368.249.716	843.189.890
	<u>132.810.267.234</u>	<u>137.429.496.181</u>

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	137.429.496.181	141.854.738.995
Tăng	2.458.743.638	2.853.421.001
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	393.619.160
Phân bổ	(7.077.972.585)	(7.672.282.975)
Số dư cuối năm	<u>132.810.267.234</u>	<u>137.429.496.181</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

11	TSCĐ	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình						
	Nguyên giá						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	140.213.459.184	447.630.184.480	19.863.120.514	10.805.040.622	474.175.818	618.985.980.618
	Mua trong năm	-	-	-	220.491.000	-	220.491.000
	Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	-	8.531.777.751	-	69.500.000	-	8.601.277.751
	Thanh lý, nhượng bán	-	(503.163.591)	(465.754.170)	-	-	(968.917.761)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	140.213.459.184	455.658.798.640	19.397.366.344	11.095.031.622	474.175.818	626.838.631.608
	Giá trị khấu hao lũy kế						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	63.630.685.559	334.176.866.116	12.109.267.283	8.138.351.611	467.763.037	418.522.933.608
	Khấu hao trong năm	8.010.636.034	34.589.920.091	1.943.860.920	1.124.891.341	6.412.781	43.675.721.167
	Thanh lý, nhượng bán	-	(503.163.591)	(465.754.170)	-	-	(968.917.761)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	69.641.321.593	368.263.622.618	13.587.374.033	9.263.242.952	474.175.818	461.228.737.014
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	76.582.773.625	113.453.318.362	7.753.853.231	2.666.689.011	6.412.781	200.463.047.010
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	70.572.137.591	87.395.175.022	5.809.992.311	1.831.788.670	-	165.609.094.594

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 287.141.441.801 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 263.070.212.502 Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có TSCĐ hữu hình được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, TSCĐ hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 79.454.578.741 Đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty) (Thuyết minh 19).

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

11	TSCĐ (tiếp theo)	Nhãn hiệu hàng hoá VND	Phần mềm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
(b)	TSCĐ vô hình				
	Nguyên giá				
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	232.020.000	2.632.334.724	100.667.889	2.965.022.613
	Giá trị hao mòn lũy kế				
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	232.020.000	1.930.841.116	100.667.889	2.263.529.005
	Khấu hao trong năm	-	275.815.236	-	275.815.236
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	232.020.000	2.206.656.352	100.667.889	2.539.344.241
	Giá trị còn lại				
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	701.493.608	-	701.493.608
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	425.678.372	-	425.678.372

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.125.072.089 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.125.072.089 Đồng).

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2021 VND	2020 VND
Máy móc thiết bị (*)	7.979.925.227	7.781.374.875
Dự án ERP	2.287.737.772	2.287.737.772
	<u>10.267.662.999</u>	<u>10.069.112.647</u>

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	10.069.112.647	3.092.959.572
Tăng	8.799.828.103	59.485.799.039
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(808.688.524)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 10(b))	-	(393.619.160)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 11(a))	(8.601.277.751)	(51.307.338.280)
Số dư cuối năm	<u>10.267.662.999</u>	<u>10.069.112.647</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, không có máy móc thiết bị đang lắp đặt dở dang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, máy móc thiết bị đang lắp đặt dở dang có giá trị là 7.781.374.875 Đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng dài hạn của Công ty) (Thuyết minh 19(b)).

13 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại: Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	<u>2.644.959.591</u>	<u>1.859.842.134</u>

13 TÀI SẢN THUẾ TNDN HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.859.842.134	1.468.056.765
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 32)	785.117.457	391.785.369
Số dư cuối năm	<u>2.644.959.591</u>	<u>1.859.842.134</u>

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại

	2021 VND	2020 VND
Dự phòng tăng giá tiền thuê đất	1.468.056.765	1.468.056.765
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.176.902.826	391.785.369
	<u>2.644.959.591</u>	<u>1.859.842.134</u>

Công ty sử dụng thuế suất 20% để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	64.705.490.300	45.911.575.710
Công ty TNHH Giấy Lee & Man Việt Nam	13.028.232.690	17.930.564.025
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	48.340.209.225	11.907.336.870
Khác	66.067.892.830	105.959.993.676
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	153.624.145.480	65.288.374.195
	<u>345.765.970.525</u>	<u>246.997.844.476</u>

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/THU NHÀ NƯỚC

	2021 VND	2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	8.829.242.909	11.635.308.810
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	383.354.471	3.071.142.032
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN")	952.528.687	1.545.915.388
	<u>10.165.126.067</u>	<u>16.252.366.230</u>

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/thu trong năm VND	Cán trừ trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
a) Phải nộp					
Thuế GTGT	3.071.142.032	236.489.603.556	(24.868.656.337)	(214.308.734.780)	383.354.471
Thuế TNDN	11.635.308.810	23.998.004.291	(26.804.070.192)	-	8.829.242.909
Thuế nhập khẩu	-	142.782.448	(142.782.448)	-	-
Thuế TNCN	1.545.915.388	5.589.839.167	(6.183.225.868)	-	952.528.687
Khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
	<u>16.252.366.230</u>	<u>266.224.229.462</u>	<u>(58.002.734.845)</u>	<u>(214.308.734.780)</u>	<u>10.165.126.067</u>
b) Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	-	214.547.145.462	-	(214.308.734.780)	238.410.682

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIỂN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

16 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư phải trả người lao động thể hiện khoản lương tháng 12 phải trả cho cán bộ công nhân viên.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí vận chuyển	4.075.995.970	4.976.843.201
Chi phí gia công	598.900.000	3.257.453.654
Chi phí quản lý	18.199.290.912	16.832.260.000
Chi phí lãi vay	211.461.630	620.025.104
Khác	5.502.645.453	3.080.890.500
	<u>28.586.293.965</u>	<u>28.767.472.459</u>

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Kinh phí công đoàn	111.028.056	123.567.236
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	50.500.000	324.146.182
Khác	285.808.201	39.734.930
	<u>447.336.257</u>	<u>487.448.348</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIỂN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

19 CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngân hàng	172.392.952.266	788.298.403.853	(845.270.226.953)	115.421.129.166

(*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Số dư tại ngày	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên cho vay		
Ngân hàng Bangkok Việt Nam	73.263.434.576	-
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	66.138.462.377
Ngân Hàng Malaysian Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	32.895.313.770	67.114.452.317
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.262.380.820	9.873.457.550
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hoà	-	15.022.709.946
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	-	9.199.422.430
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hoà	-	5.044.447.646
	<u>115.421.129.166</u>	<u>172.392.952.266</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam nhằm tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,1%/năm đến 7,95%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, từ 3,2%/năm đến 3,7%/năm) và sẽ đáo hạn từ tháng 1 năm 2022 đến tháng 4 năm 2022.

29

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIỂN HÒA

Mẫu số B 09 – DN

19 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngân hàng	23.024.131.818	-	(23.024.131.818)	-

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

	Số dư tại ngày	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên cho vay		
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	18.571.600.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hoà	-	4.452.331.818
	<u>-</u>	<u>23.024.131.818</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam để mua sắm máy móc thiết bị và đầu tư xây dựng nhà máy. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 5,8%/năm đến 7,9%/năm. Khoản vay dài hạn này đã được thanh toán trong năm 2021.

20 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	14.652.899.442	14.391.847.707
Trích trong năm (Thuyết minh 23)	-	14.629.525.335
Sử dụng quỹ trong năm	(11.932.831.000)	(14.368.473.600)
Số dư cuối năm	2.720.068.442	14.652.899.442

21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2021 VND	2020 VND
Dự phòng tăng giá tiền thuê đất (*)	7.340.283.825	7.340.283.825
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.884.514.130	1.958.926.844
	13.224.797.955	9.299.210.669

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, khoản dự phòng tăng giá tiền thuê đất thể hiện khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất tại Khu Công nghiệp Biên Hoà 1 do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp.

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.832.437	-	12.832.437	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.832.437	-	12.832.437	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.832.437	-	12.832.437	-

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
TCG Solutions Pte. Ltd.	120.765.870.000	94,11	120.765.870.000	94,11
Các cổ đông khác	7.558.500.000	5,89	7.558.500.000	5,89
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	128.324.370.000	100	128.324.370.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	12.832.437	128.324.370.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	12.832.437	128.324.370.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.832.437	128.324.370.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	128.324.370.000	636.060.646	124.334.305.513	210.713.914.806	464.008.650.965
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	146.295.253.348	146.295.253.348
Chia cổ tức	-	-	-	(25.664.874.000)	(25.664.874.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	29.259.050.670	(29.259.050.670)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(14.629.525.335)	(14.629.525.335)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.925.905.067)	(2.925.905.067)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	284.529.813.082	567.083.599.911
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	92.119.480.556	92.119.480.556
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(25.664.874.000)	(25.664.874.000)
Khác (*)	-	-	-	324.146.182	324.146.182
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	351.308.565.820	633.862.352.649

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ/2021 ngày 02 tháng 06 năm 2021, các cổ đông đã phê duyệt trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: 2.601.758.885 Đồng so với theo kế hoạch tạm trích là 2.925.905.067 Đồng. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập khoản tiền trích dự 324.146.182 Đồng trong năm 2021.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ/2021 ngày 02 tháng 06 năm 2021, các cổ đông đã thông qua quyết định chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 20% mệnh giá cổ phần tương đương 25.664.874.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ cổ tức cho các cổ đông vào ngày 06 tháng 12 năm 2021.

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	31.12.2021	31.12.2020
Đô la Mỹ ("USD")	40.761	131.772
Euro ("EUR")	265	287

(b) Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 89.039.017.629 Đồng và 92.078.551.436 Đồng tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 (Thuyết minh 35(a)).

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và số trích thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	2021	2020
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	92.119.480.556	146.295.253.348
Điều chỉnh giảm số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(6.223.056.019)
Điều chỉnh giảm thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (VND)	-	(1.244.611.204)
	<u>92.119.480.556</u>	<u>138.827.586.125</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.832.437	12.832.437
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>7.178</u>	<u>10.818</u>

(*) Công ty không trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Điều lệ mới nhất ngày 24 tháng 12 năm 2021.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với:

- ảnh hưởng sau thuế của lãi vay và các chi phí tài chính khác liên quan đến các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, và
- số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành nếu tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển đổi.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

26 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	1.760.753.565.569	1.630.463.997.662
Doanh thu phế liệu	78.307.207.257	57.356.423.349
	<u>1.839.060.772.826</u>	<u>1.687.820.421.011</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	(577.235.497)	(116.851.922)
Hàng bán bị trả lại	(1.300.912.799)	(323.885.308)
	<u>(1.878.148.296)</u>	<u>(440.737.230)</u>
Doanh thu thuần về bán hàng		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.758.875.417.273	1.630.023.260.432
Doanh thu thuần phế liệu	78.307.207.257	57.356.423.349
	<u>1.837.182.624.530</u>	<u>1.687.379.683.781</u>

27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.528.154.326.369	1.344.212.555.676
Giá vốn khác	76.514.093.944	50.690.815.345
	<u>1.604.668.420.313</u>	<u>1.394.903.371.021</u>

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	8.450.708.295	5.278.011.516
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	218.714.626	64.211.360
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	71.684.305	-
Khác	63.570.554	110.123.737
	<u>8.804.677.780</u>	<u>5.452.346.613</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 - DN

29 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền vay	6.010.628.591	10.420.486.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	260.174.317	46.836.005
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	176.575.018
	<u>6.270.802.908</u>	<u>10.643.897.268</u>

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí vận chuyển	58.993.798.079	54.586.056.827
Chi phí nhân viên	18.658.850.642	13.262.931.410
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	520.733.845	2.970.000.000
Chi phí hoa hồng	1.210.842.794	1.594.759.324
Khác	278.461.673	1.825.582.990
	<u>79.660.687.033</u>	<u>74.239.330.551</u>

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	22.998.737.395	15.001.135.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.850.584.882	3.191.231.935
Chi phí thuê đất	2.622.489.204	2.653.706.844
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.223.365.496	2.046.485.917
Công cụ, dụng cụ	1.500.765.830	1.196.144.735
Dự phòng phải thu khó đòi	411.305.098	901.111.597
Chi phí khấu hao	1.042.701.088	737.034.266
Khác	4.820.232.856	4.254.923.379
	<u>40.470.181.849</u>	<u>29.981.774.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Mẫu số B 09 - DN

32 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	115.332.367.390	183.148.940.341
Thuế tính ở thuế suất 20%	23.066.473.478	36.629.788.068
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	128.086.614	188.413.121
Khác	18.326.742	35.485.804
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>23.212.886.834</u>	<u>36.853.686.993</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	23.998.004.291	37.245.472.362
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 13)	(785.117.457)	(391.785.369)
	<u>23.212.886.834</u>	<u>36.853.686.993</u>

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.320.768.127.896	1.088.187.447.080
Chi phí nhân viên	177.053.101.576	175.734.052.024
Chi phí vận chuyển	58.993.798.079	54.586.056.827
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.951.536.403	40.290.805.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.053.276.313	121.884.510.577
Dự phòng phải thu khó đòi	411.305.098	901.111.597
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.223.365.496	2.046.485.917
Khác	30.450.571.570	11.712.736.709
	<u>1.732.905.082.431</u>	<u>1.495.343.205.778</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Công ty TCG Solutions Pte. Ltd, một công ty được thành lập ở Singapore, chiếm 94,11% vốn cổ phần của Công ty. Công ty mẹ tối hậu là Tập đoàn SCG, một công ty được thành lập tại Thái Lan.

Trong năm, có các nghiệp vụ/ số dư chủ yếu được thực hiện với các bên liên quan sau đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	2021 VND	2020 VND
Tập đoàn SCG	Công ty mẹ tối hậu		
TCG Solutions Pte. Ltd	Công ty mẹ		
Thai Containers Group Co., Ltd	Công ty trong cùng tập đoàn		
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	Công ty trong cùng tập đoàn		
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	Công ty trong cùng tập đoàn		
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	Công ty trong cùng tập đoàn		
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	Công ty trong cùng tập đoàn		
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	Công ty trong cùng tập đoàn		
PT Fajar Surya Wisea TBK	Công ty trong cùng tập đoàn		
PT. Dayasa Aria Prima	Công ty trong cùng tập đoàn		
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	Công ty trong cùng tập đoàn		
(a) Giao dịch với các bên liên quan			
i) Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	23.973.688.000	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	11.388.605.845	-	
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	8.031.595.476	-	
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	3.934.352.010	-	
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	3.931.023.405	-	
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	48.970.000	-	
	<u>51.308.234.736</u>		

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)	2021 VND	2020 VND
ii) Mua hàng hóa		
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	340.648.595.942	-
PT Fajar Surya Wisea TBK	12.088.580.753	-
PT. Dayasa Aria Prima	2.422.855.218	-
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	2.184.705.900	-
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	471.573.100	-
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	159.125.600	-
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	139.868.180	-
	<u>358.115.304.693</u>	
iii) Chi hộ		
Thai Containers Group Co., Ltd	6.070.567.372	-
iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	4.537.787.168	9.094.835.995
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	2021 VND	2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	4.053.334.431	-
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	3.412.676.908	191.419.800
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	1.183.771.042	2.135.847.621
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	1.130.653.480	-
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	383.200.400	1.206.810.000
	<u>10.163.636.261</u>	<u>3.534.077.421</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
ii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	148.104.773.291	65.288.374.195
Thai Containers Group Co., Ltd	2.873.339.701	-
Công ty Công nghiệp Tân Á	2.403.176.490	-
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	153.854.998	-
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	89.001.000	-
	<u>153.624.145.480</u>	<u>65.288.374.195</u>

35 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	3.068.213.727	3.244.233.384
Từ 1 đến 5 năm	10.468.033.576	10.465.346.871
Trên 5 năm	75.502.770.326	78.368.071.181
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>89.039.017.629</u>	<u>92.078.551.436</u>

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2021 VND	2020 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	<u>13.927.080.694</u>	<u>-</u>

36 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất bao bì từ giấy và bia trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài, trong khi các khoản doanh thu phát sinh từ nước ngoài chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất bao bì từ giấy và bia là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 21 tháng 3 năm 2022.


Ly Phát
Người lập


Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng



Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số *13.A...*/SVI-2022

Biên Hòa, ngày 21 tháng 03 năm 2022

V/v : Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
tại báo KQHĐKD năm 2021 đã được kiểm
toán thay đổi (giảm) trên 10% so với năm 2020.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa kính gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM lời chào trân trọng và cảm ơn chân thành về sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian vừa qua.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (gọi tắt là SOVI. Mã chứng khoán: SVI) xin gửi đến Quý cơ quan giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được kiểm toán thay đổi (giảm) trên 10% so với năm 2020 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD đã được kiểm toán	92.119.480.556	146.295.253.348	(54.175.772.792)	(37,03%)

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD năm 2021 đã được kiểm toán thay đổi (giảm) trên 10% so với năm 2020 là 37,03%: Chủ yếu do giá nguyên vật liệu chính (giấy cuộn, duplex); các nguyên liệu phụ đều tăng. Ngoài ra còn có chi phí vận chuyển tăng do giá xăng dầu và các chi phí cho hoạt động phòng chống Covid-19 tăng mạnh trong khi giá bán tăng nhưng không đáng kể.

Trên đây là giải trình của SOVI.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu : QTHC

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]
EKARACH SINNARONG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Biên Hòa, ngày 12 tháng 04 năm 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]
Ekarach Sinnarong